CITAD Code

Version:31-Jan-2024

STT No.	Mã ngân hàng Bank code	Tên ngân hàng Bank name	Tên ngân hàng Bank name	Tên chi nhánh Branch
1	01101011	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	-
2	01101018	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	-
3	77101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	Bà Rịa - Vũng Tàu
4	01101014	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	Sở giao dịch
5	46101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	Thừa thiên Huế
6	89101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh An Giang
7	24101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Bắc Giang
8	06101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Bắc Kạn
9	95101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Bạc Liêu
10	27101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Bắc Ninh
11	83101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Bến Tre
12	52101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Bình Định
13	74101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	Tỉnh Bình Dương
14	70101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Bình Phước
15	60101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Bình Thuận
16	96101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Cà Mau
17	04101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Cao Bằng
18	67101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Dak Nông
19	66101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Daklak
20	11101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Điện Biên
21	75101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Đồng Nai
22	87101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	Tỉnh Đồng Tháp
23	64101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Gia Lai
24	02101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Hà Giang
25	35101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Hà Nam
26	42101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Hà Tĩnh
27	30101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	Tỉnh Hải Dương
28	93101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Hậu Giang
29	17101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Hoà Bình
30	33101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Hưng Yên
31	56101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Khánh Hòa
32	91101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Kiên Giang
33	62101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Kon Tum
34	12101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Lai Châu
35	68101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Lâm Đồng
36	20101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Lạng Sơn
37	10101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Lào Cai
38	80101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Long An
39	36101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Nam Định
40	40101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Nghệ An
41	37101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Ninh Bình
42	58101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Ninh Thuận
43	25101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Phú Thọ
44	54101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Phú Yên
45	44101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Quảng Bình
46	49101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	Tỉnh Quảng Nam
47	51101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Quảng Ngãi
48	22101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Quảng Ninh
49	45101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Quảng Trị
50	94101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Sóc Trăng
51	14101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Sơn La
52	72101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Tây Ninh
53	34101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Thái Bình
54	19101005	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Thái Nguyên
55	38101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Thanh Hoá
56	82101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Tiền Giang
57	84101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Trà Vinh
58	08101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Tuyên Quang
59	86101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Vĩnh Long
60	26101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Vĩnh Phúc
61	15101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	tỉnh Yên Bái
62	92101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	TP Cần Thơ
63	48101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	TP Đà Nẵng
64	01101100	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	TP Hà Nội
65	31101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	TP Hải Phòng
66	79101100	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	TP Hồ Chí Minh
67	79101001	Ngân hàng nhà nước Việt Nam	the State Bank of Viet Nam	Văn Phòng Đại diện tại TP Hồ Chí Minh
68	01201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Tất cả (All branches)
69	79201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	1 TP Hồ Chí Minh
70	79201011	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	10 TP Hồ Chí Minh
71	79201014	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	11 TP Hồ Chí Minh
72	79201016	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	12 - TP Hồ Chí Minh
73	79201003	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	2 TP Hồ Chí Minh
74	79201004	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	3 - TP Hồ Chí Minh
75	79201005	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	4 - TP Hồ Chí Minh
76	79201006	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	5 - TP Hồ Chí Minh
77	79201007	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	6 - TP Hồ Chí Minh
78	79201008	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	7 - TP Hồ Chí Minh
79	79201009	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	8 - TP Hồ Chí Minh
80	79201010	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	9 - TP Hồ Chí Minh
81	89201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	An Giang
82	01201004	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Ba Đình
83	77201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bà Rịa Vũng Tàu
84	48201003	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bắc Đà Nẵng
85	24201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bắc Giang
86	01201009	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bắc Hà Nội
87	06201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bắc Kạn
88	95201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bạc Liêu
89	36201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bắc Nam Định
90	40201003	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bắc Nghệ An

91	27201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bắc Ninh
92	79201019	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bắc Sài Gòn
93	01201020	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bắc Thăng Long
94	38201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bắc Thanh Hóa
95	22201003	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bãi Cháy
96	68201003	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bảo Lộc
97	80201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bến Lức
98	83201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bến Tre
99	52201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bình Định
100	74201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bình Dương
101	70201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bình Phước
102	60201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bình Thuận
103	26201003	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Bình Xuyên
104	96201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Cà Mau
105	22201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Cẩm Phả
106	92201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Cần Thơ
107	04201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Cao Bằng
108	89201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Châu Đốc
109	79201024	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Chợ Lớn
110	01201005	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Chương Dương
111	25201003	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	CN Bắc Phú Thọ
112	01201018	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	CN Tây Thăng Long
113	40201004	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Cửa Lò
114	48201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Đà Nẵng
115	67201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Đăk Nông
116	66201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	ĐăkLăk
117	11201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Điện Biên
118	01201006	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Đông Anh
119	01201003	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Đống Đa
120	01201010	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Đông Hà Nội
121	30201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Đông Hải Dương
122	31201005	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Đông Hải Phòng
123	75201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Đồng Nai
124	79201015	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Đông Sài Gòn
125	87201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Đồng Tháp
126	01201015	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	ĐôThành
127	79201023	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Gia Định
128	64201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Gia Lai
129	02201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Hà Giang
130	35201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Hà Nam
131	01201022	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Hà Thành
132	42201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Hà Tĩnh
133	01201012	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Hai Bà Trưng
134	30201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Hải Dương
135	93201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Hậu Giang
136	17201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Hòa Bình
137	72201003	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Hòa Thành
138	01201011	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Hoàn Kiếm
139	01201014	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Hoàng Mai
140	49201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Hội An
141	31201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Hồng Bàng
142	25201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Hùng Vương
143	33201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Hưng Yên
144	75201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	KCN Biên Hòa
145	74201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	KCN Bình Dương
146	30201003	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	KCN Hải Dương
147	52201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	KCN Phú Tài
148	27201004	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	KCN Quế Võ
149	27201003	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	KCN Tiên Sơn
150	72201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	KCN Trảng Bàng
151	56201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Khánh Hòa
152	31201007	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Kiến An
153	91201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Kiên Giang
154	62201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Kon Tum
155	12201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Lai Châu
156	68201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Lâm Đồng
157	20201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Lạng Sơn
158	10201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Lào Cai
159	31201004	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Lê Chân
160	80201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Long An
161	19201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Lưu Xá
162	22201004	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Móng Cái
163	33201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Mỹ Hào
164	36201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Nam Định
165	79201020	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Nam Sài Gòn
166	01201008	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Nam Thăng Long
167	46201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Nam Thừa Thiên Huế
168	40201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Nghệ An
169	31201003	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Ngô Quyền
170	48201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Ngũ Hành Sơn
171	75201004	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Nhơn Trạch
172	37201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Ninh Bình
173	58201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Ninh Thuận
174	91201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Phú Quốc
175	25201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Phú Thọ
176	54201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Phú Yên
177	26201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Phúc Yên
178	44201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Quảng Bình
179	01201025	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Quang Minh
180	49201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Quảng Nam
181	51201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Quảng Ngãi
182	22201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Quảng Ninh
183	45201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Quảng Trị
184	01201016	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Quang Trung
185	87201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Sa Đéc

186	79201018	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Sài Gòn
187	38201003	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Sầm Sơn
188	94201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Sóc Trăng
189	14201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Sơn La
190	19201003	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Sông Công
191	48201004	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Sông Hàn
192	37201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Tam Điệp
193	79201017	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Tân Bình
194	92201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Tây Đô
195	01201013	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Tây Hà Nội
196	72201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Tây ninh
197	79201012	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Tây Sài Gòn
198	82201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Tây Tiền Giang
199	34201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Thái Bình
200	19201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Thái Nguyên
201	01201017	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Thăng Long
202	01201019	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Thành An
203	38201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Thanh Hóa
204	01201007	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Thanh Xuân
205	79201013	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Thủ Đức
206	79201021	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Thủ Thiêm
207	46201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Thừa thiên - Huế
208	82201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Tiền Giang
209	27201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Tiên sơn
210	31201006	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Tô hiệu
211	01201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	TP Hà Nội
212	31201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	TP Hải Phòng
213	79201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	TP Hồ Chí Minh
214	40201002	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	TP Vinh
215	84201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Trà Vinh
216	01201023	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Tràng An
217	27201005	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Trung tâm QL Tiền mặt BN
218	48201005	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Trung Tâm QL Tiền mặt ĐN
219	01201021	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Trung tâm QL Tiền mặt Hà Nội
220	31201008	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Trung tâm QL Tiền Mặt HP
221	79201022	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Trung tâm quản lý tiền mặt TP Hồ Chí Minh
222	08201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Tuyên Quang
223	25201004	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	TX Phú Thọ
224	22201005	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Uông Bí
225	22201006	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Vân Đồn
226	86201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Vĩnh Long
227	26201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Vĩnh Phúc
228	15201001	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Vietinbank	Yên Bái
229	01202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Tất cả (All branches)
230	89202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	An Giang
231	79202021	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bà Chiểu
232	01202013	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Ba Đình
233	79202025	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Ba mươi Tháng Tư
234	77202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bà Rịa
235	77202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bà Rịa Vũng Tàu
236	79202014	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Ba Tháng Hai
237	89202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bắc An Giang
238	06202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bắc cạn
239	66202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bắc ĐăkLăk
240	24202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bắc Giang
241	01202035	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bắc Hà
242	01202004	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bắc Hà Nội
243	30202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bắc Hải Dương
244	33202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bắc Hưng Yên
245	27202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bắc Ninh
246	44202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bắc Quảng Bình
247	79202005	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bắc Sài Gòn
248	66202004	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Ban Mê
249	68202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bảo Lộc
250	79202013	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bến Nghé
251	79202012	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bến Thành
252	83202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bến Tre
253	75202004	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Biên Hòa
254	38202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bỉm Sơn
255	79202017	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bình Chánh
256	79202030	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bình Điền Sài Gòn
257	52202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bình Định
258	74202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bình Dương
259	79202027	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bình Hưng
260	70202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bình Phước
261	79202032	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bình Tân
262	79202034	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bình Tây SG
263	79202035	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bình Thạnh
264	60202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Bình Thuận
265	96202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Cà Mau
266	22202005	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Cẩm Phả
267	92202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Cần Thơ
268	04202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Cao bằng
269	01202010	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Cầu Giấy
270	79202031	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Châu Thành SG
271	79202011	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Chợ Lớn
272	01202030	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	CN Thành Công HN
273	01202022	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	CN Tràng Tiền HN
274	79202016	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Củ Chi
275	68202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Đà Lạt
276	48202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Đà Nẵng
277	66202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	ĐăkLăk
278	96202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Đất Mũi
279	74202005	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Dĩ An Bình Dương
280	11202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Điện Biên

281	92202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Đồng Bằng SCL
282	01202025	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Đống Đa
283	66202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Đông ĐăkLăk
284	01202007	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Đông Đô
285	75202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Đông Đồng Nai
286	01202008	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Đông Hà Nội
287	31202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Đông Hải Phòng
288	83202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Đồng Khởi
289	75202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Đồng Nai
290	79202006	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Đông Sài Gòn
291	87202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Đồng Tháp
292	51202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Dung Quất
293	79202007	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Gia Định
294	64202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Gia Lai
295	01202032	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Gia Lâm
296	01202017	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hà Đông
297	02202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hà Giang
298	22202004	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hạ Long
299	35202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hà Nam
300	01202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hà Nội
301	01202005	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hà Thành
302	42202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hà Tĩnh
303	01202011	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hai Bà Trưng
304	30202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hải Dương
305	31202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hải Phòng
306	48202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hải Vân
307	79202020	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hàm Nghi
308	93202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hậu Giang
309	17202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hoà Bình
310	01202031	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hoài Đức
311	01202021	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hoàn Kiếm
312	01202033	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hoàng Mai
313	79202019	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hóc Môn
314	49202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hội An
315	01202023	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hồng Hà
316	25202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hùng Vương
317	33202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Hưng Yên
318	56202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Khánh Hòa
319	91202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Kiên Giang
320	27202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Kinh Bắc
321	62202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Kon Tum
322	79202022	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Kỳ Hòa
323	31202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Lạch Tray
324	12202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Lai Châu
325	68202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Lâm Đồng
326	38202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Lam Sơn
327	20202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Lạng Sơn
328	80202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Long An
329	80202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Mộc Hóa
330	22202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Móng Cái
331	01202020	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Mỹ Đình
332	74202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Mỹ Phước
333	82202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Mỹ Tho
334	74202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Nam Bình Dương
335	36202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Nam Định
336	75202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Nam Đồng Nai
337	64202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Nam Gia Lai
338	01202014	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Nam Hà Nội
339	42202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Nam Hà Tĩnh
340	79202008	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Nam Kỳ Khởi Nghĩa
341	79202009	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Nam Sài Gòn
342	19202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Nam Thái Nguyên
343	40202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Nghệ An
344	01202034	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Ngọc Khánh
345	79202024	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Nhà Bè
346	56202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Nha Trang
347	37202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Ninh Bình
348	58202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Ninh Thuận
349	64202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Phố Núi
350	40202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Phủ Diễn
351	77202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Phú Mỹ
352	79202018	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Phú Mỹ Hưng
353	79202010	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Phú Nhuận
354	91202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Phú Quốc
355	40202004	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Phủ Quỳ
356	52202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Phú Tài
357	25202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Phú Thọ
358	46202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Phú Xuân
359	54202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Phú Yên
360	26202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Phúc Yên
361	79202033	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Quận 7 SG
362	44202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Quảng Bình
363	01202026	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Quang Minh
364	49202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Quảng Nam
365	51202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Quảng Ngãi
366	45202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Quảng Trị
367	01202009	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Quang Trung
368	52202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Quy Nhơn
369	87202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Sa Đéc
370	79202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Sài Gòn
371	10202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	SaPa
372	01202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Sở giao dịch 1
373	79202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Sở Giao dịch 2
374	01202015	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Sở Giao dịch 3
375	94202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Sóc Trăng

376	14202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Sơn La
377	01202018	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Sơn Tây
378	48202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Sông Hàn
379	37202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Tam Điệp
380	79202015	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Tân Bình
381	92202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Tây Đô
382	01202016	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Tây Hồ
383	22202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Tây Nam Quảng Ninh
384	72202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Tây Ninh
385	79202004	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Tây Sài Gòn
386	01202027	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Thạch Thất
387	34202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Thái Bình
388	01202029	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Thái Hà
389	19202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Thái Nguyên
390	01202006	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Thăng Long
391	01202012	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Thành Đô
392	30202003	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Thành Đông
393	38202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Thanh Hoá
394	36202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Thành Nam
395	79202036	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Thành phố Thủ Đức
396	40202005	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Thành Vinh
397	01202019	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Thanh Xuân
398	79202026	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Thống Nhất
399	74202004	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Thủ Dầu Một
400	79202029	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Thủ Đức
401	79202028	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Thủ Thiêm
402	46202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Thừa Thiên Huế
403	82202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Tiền Giang
404	95202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	tỉnh Bạc Liêu
405	67202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	tỉnh Đắc Nông
406	10202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	tỉnh Lào cai
407	22202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	tỉnh Quảng Ninh
408	79202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	TP Hồ Chí Minh
409	84202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Trà Vinh
410	01202024	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Tràng An
411	79202023	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Trường Sơn
412	01202028	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Từ Liêm
413	27202002	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Từ Sơn
414	08202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Tuyên Quang
415	86202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Vĩnh Long
416	26202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Vĩnh Phúc
417	77202004	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Vũng Tàu-Côn Đảo
418	15202001	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam	BIDV	Yên Bái
419	01203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Tất cả (All branches)
420	01203500	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	-
421	89203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	An Giang
422	01203005	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Ba Đình
423	77203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Bà Rịa
424	77203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	bà rịa-vũng tầu
425	74203004	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Bắc Bình Dương
426	64203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Bắc Gia Lai
427	24203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Bắc Giang
428	42203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Bắc Hà Tĩnh
429	95203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Bạc Liêu
430	27203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	bắc ninh
431	79203006	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Bắc Sài Gòn
432	68203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Bảo Lộc
433	83203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Bến Tre
434	75203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Biên Hòa
435	52203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Bình Định
436	74203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	bình dương
437	70203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Bình Phước
438	79203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Bình Tây
439	79203004	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Bình Thạnh
440	60203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Bình Thuận
441	96203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Cà Mau
442	92203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Can Tho
443	89203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Châu Đốc
444	30203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Chí Linh
445	01203007	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Chương Dương
446	48203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Da Nang
447	66203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	ĐăkLăk
448	01203013	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Đông Anh
449	74203005	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Đông Bình Dương
450	75203004	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Đông Đồng Nai
451	75203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	đồng nai
452	87203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	đồng tháp
453	51203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Dung Quất
454	79203013	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Gia Định
455	64203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Gia Lai
456	22203003	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Hạ Long
457	35203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Hà Nam
458	01203003	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Hà Nội
459	01203014	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Hà Thành
460	42203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Hà Tĩnh
461	30203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	hải dương
462	31203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Hai Phong
463	01203008	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Hoàn Kiếm
464	01203015	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Hoàng Mai
465	46203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	huế
466	79203003	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Hùng Vương
467	33203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Hưng Yên
468	56203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Khánh Hòa
469	91203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Kiên Giang
470	27203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Kinh Bắc

471	62203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	KonTum
472	79203012	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Kỳ Đồng
473	68203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Lâm Đồng
474	20203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Lạng Sơn
475	10203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Lào Cai
476	80203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Long An
477	22203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Móng Cái
478	74203003	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Nam Bình Dương
479	48203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Nam Đà Nẵng
480	36203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Nam Định
481	01203016	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Nam Hà Nội
482	31203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Nam Hải Phòng
483	79203011	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Nam Sài Gòn
484	40203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Nghệ An
485	38203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Nghi Sơn
486	56203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Nha Trang
487	75203003	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Nhơn Trạch
488	37203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Ninh Bình
489	58203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Ninh Thuận
490	33203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Phố Hiến
491	79203017	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Phú Nhuận
492	91203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Phú Quốc
493	25203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Phú Thọ
494	54203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Phú Yên
495	26203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Phúc Yên
496	44203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Quảng Bình
497	49203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	quảng nam
498	51203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Quảng Ngãi
499	22203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Quảng ninh
500	45203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Quảng Trị
501	52203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Quy Nhơn
502	79203008	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Sài Gòn
503	79203007	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Sài Thành
504	01203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	SGD
505	01203012	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Sóc Sơn
506	94203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Sóc Trăng
507	79203010	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Tân Bình
508	74203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Tân Bình Dương
509	79203009	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Tân Định
510	79203019	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Tân Sài Gòn
511	79203014	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Tân sơn Nhất
512	92203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Tây Cần Thơ
513	01203009	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Tây Hà Nội
514	01203011	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Tây Hồ
515	72203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Tây Ninh
516	79203015	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Tây Sài Gòn
517	34203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Thái Bình
518	19203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Thái Nguyên
519	01203004	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Thăng Long
520	01203006	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Thành Công
521	38203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Thanh Hóa
522	01203010	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Thanh Xuân
523	79203005	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Thủ Đức
524	79203016	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Thủ Thiêm
525	82203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Tiền Giang
526	79203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	TP Hồ Chí Minh
527	79203500	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	TP Hồ Chí Minh
528	84203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Trà Vinh
529	08203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Tuyên Quang
530	40203002	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Vinh
531	86203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	Vĩnh Long
532	26203001	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Vietcombank	vĩnh phúc
533	01204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tất cả (All branches)
534	79204032	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	5
535	79204043	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	7
536	79204018	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	10
537	79204041	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	12
538	01204500	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	-
539	79204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	11 TP Hồ Chí Minh
540	79204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	3 TP Hồ Chí Minh
541	79204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	4 TP Hồ Chí Minh
542	79204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	6 TP Hồ Chí Minh
543	79204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	8 TP Hồ Chí Minh
544	79204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	9 TP Hồ Chí Minh
545	91204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	An Biên, Kiên Giang
546	31204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	An Dương
547	31204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	An Hung HP
548	31204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	An Lao HP
549	52204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	An Lão, Bình Định
550	91204017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	An Minh, Kiên Giang
551	79204042	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	An Phu
552	89204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	An Phú, An Giang
553	33204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ân Thi, Hưng Yên
554	06204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ba Bể, Bắc Kạn
555	38204025	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ba Đình,Nam Thanh Hóa
556	91204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ba Hòn, Kiên Giang
557	77204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bà Rịa Vũng Tầu
558	38204027	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bá Thước, Thanh Hóa
559	51204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ba Tơ, Quảng Ngãi
560	83204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ba Tri, Bến Tre
561	94204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ba Xuyên, Sóc Trăng
562	60204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Bình, Bình Thuận
563	66204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Đắk Lắk
564	49204019	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Điện Bàn, Quảng Nam
565	75204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Đồng Nai

566	80204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Đức Hòa, Long An
567	24204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Giang II
568	01204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bac Ha Noi
569	31204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Hải Phòng
570	42204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Kỳ Anh Hà Tĩnh II
571	02204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Mê, Hà Giang
572	36204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Nam Định
573	27204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Ninh II
574	44204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Quảng Bình
575	02204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Quang, Hà Giang
576	79204046	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Sài Gòn
577	20204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Sơn, Lạng Sơn
578	46204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Sông Hương, Thừa Thiên Huế
579	80204019	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Tân An, Long An
580	38204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Thanh Hóa
581	79204034	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc TP Hồ Chí Minh
582	49204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bắc Trà My, Quảng Nam
583	06204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bạch Thông, Bắc Kạn
584	34204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	BắcThái Bình
585	68204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bảo Lâm Nam Lâm Đồng
586	72204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bến Cầu, Tây Ninh
587	91204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bến Nhứt, Kiên Giang
588	79204051	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ben Thanh
589	64204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Biển Hồ, Gia Lai
590	83204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bình Đại, Bến Tre
591	52204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bình Định
592	20204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bình Gia, Lạng Sơn
593	30204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bình Giang, Hải Dương
594	79204052	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bình Phú
595	70204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bình Phước
596	51204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bình Sơn, Quảng Ngãi
597	79204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Binh Tan TP Hồ Chí Minh
598	86204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bình Tân, Vĩnh Long
599	79204019	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Binh Thanh TP Hồ Chí Minh
600	92204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Binh Thuy CT
601	79204033	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Binh Trieu
602	24204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bố Hạ, Bắc Giang II
603	70204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Bù Nho, Bình Phước
604	66204017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Buôn Đôn, Đăk Lăk
605	66204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Buôn Hồ bắc Đắk Lắk
606	82204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cái Bè, Tiền Giang
607	96204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cái Nước, Cà Mau
608	92204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cái răng Cần Thơ
609	93204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cái Tắc, Hậu Giang
610	10204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cam Đường
611	30204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cẩm Giàng, Hải Dương
612	25204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cẩm Khê, Phú Thọ
613	48204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cẩm Lệ Nam ĐN
614	38204028	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cẩm Thuỷ, Thanh Hóa
615	79204027	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Can Gio TP Hồ Chí Minh
616	92204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Can Tho
617	92204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cần Thơ II
618	84204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Càng Long, Trà Vinh
619	87204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cao Lãnh, Đồng Tháp
620	20204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cao Lộc, Lạng Sơn
621	22204018	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cao Thắng, Quảng Ninh
622	31204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cát Bà HP
623	31204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cat Hai HP
624	68204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cát Tiên, Lâm Đồng
625	01204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cau Giay Ha Noi
626	84204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cầu Kè, Trà Vinh
627	84204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cầu Ngang, Trà Vinh
628	89204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Châu Phú, An Giang
629	93204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Châu Thành A, Hậu Giang
630	89204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Châu Thành, An Giang
631	83204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Châu Thành, Bến Tre
632	87204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Châu Thành, Đồng Tháp
633	93204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Châu Thành, Hậu Giang
634	94204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Châu Thành, Sóc Trăng
635	72204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Châu Thành, Tây Ninh
636	82204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Châu Thành, Tiền Giang
637	84204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Châu Thành, Trà Vinh
638	48204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Chi Lăng
639	89204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Chi Lăng, An Giang
640	20204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Chi Lăng, Lạng Sơn
641	48204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Chợ Cồn Nam Đà Nẵng
642	06204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Chợ Đồn, Bắc Kạn
643	82204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Chợ Gạo, Tiền Giang
644	83204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Chợ Lách, Bến Tre
645	79204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cho Lon TP Hồ Chí Minh
646	48204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Chợ Mới Nam ĐN
647	89204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Chợ Mới, An Giang
648	06204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Chợ Mới, Bắc Kạn
649	89204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Chợ Vàm, An Giang
650	56204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Chợ Xóm Mới, Khánh Hòa
651	64204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Chư Prông
652	15204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	CN Bắc Yên Bái, Yên Bái
653	91204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	CN Kiên Giang II
654	33204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	CN Thị xã Mỹ hào, Hưng Yên II
655	01204042	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	CN Thường Tín
656	36204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cồn, Nam Định
657	79204028	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cu Chi TP Hồ Chí Minh
658	67204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cư Jút, Đăk Nông
659	94204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Củ Lao Dung, Sóc Trăng
660	66204023	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Cư Mgar, Đăk Lăk

661	49204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	cửa đại
662	68204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đạ Huoai, Lâm Đồng
663	70204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đa Kia, Bình Phước
664	68204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đạ Tẻh, Lâm Đồng
665	79204029	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Dac lac PGD TP Hồ Chí Minh
666	31204025	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đại Hợp
667	49204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đại Lộc, Quảng Nam
668	30204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đại Tân, Hải Dương II
669	67204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đăk Glong, Đăk Nông
670	67204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đăk Mil, Đăk Nông
671	67204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đăk RLấp, Đăk Nông
672	67204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đăk Song, Đăk Nông
673	96204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đầm Dơi, Cà Mau
674	68204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Di Linh, Lâm Đồng
675	64204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Diên Hồng, Gia Lai
676	20204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đình Lập, Lạng Sơn
677	31204019	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đồ Sơn
678	01204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Dong Anh Hà Nội
679	36204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đông Bình, Nam Định
680	01204034	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đống Đa
681	48204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đống Đa
682	20204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đồng Đăng, Lạng Sơn
683	80204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đông Đức Hòa,Long An
684	64204020	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đông Gia Lai
685	49204025	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đông Giang, Quảng Nam
686	01204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Dong Ha Noi
687	31204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đông Hải Phòng
688	95204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đông Hải, Bạc Liêu
689	54204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đông Hoà, Phú Yên
690	83204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đồng Khởi, Bến Tre
691	58204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đông Mỹ Hải, Ninh Thuận
692	75204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đồng Nai
693	22204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đông Quảng Ninh
694	79204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Dong Sai Gon
695	38204021	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đông Sơn, Thanh Hóa
696	79204038	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đông Thành phố TP Hồ Chí Minh
697	87204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đồng Tháp
698	35204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đồng Văn Hà Nam II
699	02204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đồng Văn, Hà Giang
700	54204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đồng Xuân, Phú Yên
701	64204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đức Cơ
702	70204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đức Liễu, Bình Phước
703	51204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đức Phổ, Quảng Ngãi
704	68204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Đức Trọng - Lâm Đồng
705	51204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Dung Quất, Quảng Ngãi
706	31204020	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Dương Kinh
707	72204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Dương Minh Châu, Tây Ninh
708	49204023	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Duy Xuyên, Quảng Nam
709	84204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Duyên Hải, Trà Vinh
710	66204031	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ea Cpam, Đăk Lăk
711	66204030	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ea HLeo, Đăk Lăk
712	66204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ea Kar, Đăk Lăk
713	66204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ea Knốp, Đăk Lăk
714	66204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ea Phê, Đăk Lăk
715	66204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ea Ral, Đăk Lăk
716	66204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ea Sup, Đăk Lăk
717	66204026	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ea Tam, Đăk Lăk
718	66204021	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ea Toh, Đăk Lăk
719	79204021	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Gia Dinh TP Hồ Chí Minh
720	64204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Gia Lai
721	01204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Gia Lam Ha Noi
722	30204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Gia Lộc, Hải Dương
723	95204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Giá Rai, Bạc Liêu
724	36204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Giao Thuỷ, Nam Định
725	91204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Giồng Riềng, Kiên Giang
726	83204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Giồng Trôm, Bến Tre
727	82204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Gò Công Đông, Tiền Giang
728	82204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Gò Công Tây, Tiền Giang
729	72204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Gò Dầu, Tây Ninh
730	91204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Gò Quao, Kiên Giang
731	38204030	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	H. Thạch Thành,Bắc Thanh Hóa
732	38204020	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	H.Hậu Lộc,Bắc Thanh Hóa
733	38204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	H.Tĩnh Gia, Nam Thanh Hóa
734	38204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	H.Vĩnh Lộc,Bắc Thanh Hóa
735	22204017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hạ Long I, Quảng Ninh
736	35204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hà Nam II
737	01204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ha Noi
738	01204026	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hà Nội I
739	01204035	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hà Nội II
740	01204036	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ha Tay
741	01204049	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hà Tây I
742	01204032	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hà Thành
743	42204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hà Tĩnh II
744	38204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hà Trung,Bắc Thanh Hóa
745	31204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hải An
746	30204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hải Dương II
747	36204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hải Hậu, Nam Định
748	60204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hàm Mỹ, Bình Thuận
749	60204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hàm Tân, Bình Thuận
750	60204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận
751	60204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hàm Thuận Nam, Bình Thuận
752	93204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hậu Giang
753	49204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hiệp Đức, Quảng Nam
754	95204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hoà Bình, Bạc Liêu
755	66204025	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hòa Khánh, Đăk Lăk

756	01204038	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hòa Lạc,Hà Nội I
757	64204018	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hoa Lư, Gia Lai
758	68204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hoà Ninh, Lâm Đồng
759	66204018	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hòa Thắng, Đăk Lăk
760	72204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hòa Thành, Tây Ninh
761	66204029	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hòa Thuận, Đăk Lăk
762	48204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hoa Vang Nam ĐN
763	52204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hoài Ân, Bình Định
764	52204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hoài Nhơn, Bình Định
765	38204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hoằng Hoá,Bắc Thanh Hóa
766	01204020	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hoang Mai
767	40204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hoàng Mai, Nghệ An
768	01204023	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hoàng Quốc Việt
769	02204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hoàng Su Phì, Hà Giang
770	79204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hoc Mon TP Hồ Chí Minh
771	01204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hội sở chính
772	64204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hội Thương, Gia Lai
773	91204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hòn Đất, Kiên Giang
774	95204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hồng Dân, Bạc Liêu
775	01204018	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hong Ha
776	01204028	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hùng Vương
777	33204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hưng Yên II
778	49204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hương An, Quảng Nam
779	20204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Hữu Lũng, Lạng Sơn
780	46204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện A Lưới, Thừa Thiên Huế
781	40204022	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Anh Sơn tây Nghệ An
782	64204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện AyunPa, Gia Lai
783	22204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Ba Chẽ, Quảng Ninh
784	01204044	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Ba Vì, Hà Tây I
785	58204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Bác Ái, Ninh Thuận
786	10204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Bắc Hà
787	14204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Bắc Yên, Sơn La
788	04204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Bảo Lạc, Cao Bằng
789	04204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Bảo Lâm, Cao Bằng
790	10204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Bảo Thắng, Lào Cai
791	10204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Bảo Yên, Lào Cai
792	10204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Bát Xát, Lào Cai II
793	74204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Bến Cát, Bình Dương
794	80204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Bến Lức, Long An
795	22204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Bình Liêu, Quảng Ninh
796	35204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyen Bình Lục, Hà Nam II
797	26204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc II
798	70204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Bù Đăng, Bình Phước
799	70204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Bù Đốp,Tây Bình Phước
800	70204017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Bù Gia Mập, Bình Phước
801	82204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Cai Lậy Tiền Giang
802	56204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện cam Lâm, Khánh hòa
803	45204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Cam Lộ
804	75204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Cẩm Mỹ, Nam Đồng Nai
805	42204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Cẩm Xuyên,Hà Tĩnh II
806	80204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Cần Đước, Long An
807	80204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Cần Giuộc, Long An
808	42204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Can Lộc,Hà Tĩnh
809	17204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Cao Phong, Hòa Bình
810	77204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Châu Đức, Bà Rịa Vũng Tàu
811	80204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Châu Thành, Long An
812	08204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Chiêm Hoá, Tuyên Quang
813	70204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Chơn Thành,Tây Bình Phước
814	64204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Chư Păh, Gia Lai
815	64204024	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Chư Pưh, Gia Lai
816	64204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Chư Sê, Gia Lai
817	01204050	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Chương Mỹ, Hà Nội I
818	92204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Cờ đỏ CT II
819	22204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Cô Tô, Quảng Ninh
820	10204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Cốc Lếu, Lào Cai
821	40204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Con Cuông tây Nghệ An
822	77204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Côn Đảo
823	66204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Cư Kuin Đăk Lăk
824	17204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đà Bắc, Hòa Bình
825	45204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đa Krông
826	19204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đại Từ,Thái nguyên
827	64204021	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đăk Đoa, Gia Lai
828	62204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đăk Hà, Kon Tum
829	64204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đăk Pơ, Gia Lai
830	62204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đăk Tô, Kon Tum
831	62204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện ĐăkGlei, Kon Tum
832	22204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đầm Hà Đông Quảng Ninh
833	68204017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Đam Rông Lâm Đồng
834	01204045	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đan Phượng,Tây Đô
835	77204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đất Đỏ, Bà Rịa Vũng Tàu
836	74204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Dầu Tiếng, Bình Dương
837	11204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Điện Biên Đông, Điên Biên
838	11204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Điện Biên Tỉnh Điện Biên
839	40204020	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Diễn Châu, Nghệ An
840	56204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Diên Khánh, Khánh Hòa
841	19204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Định Hóa, Thái Nguyên
842	75204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Định Quán, Đồng Nai
843	40204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đô Lương Nam Nghệ An
844	25204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Đoan Hùng, Phú Thọ II
845	68204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đơn Dương
846	34204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đông Hưng bắc Thái Bình
847	19204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên
848	70204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đồng Phú, Bình Phước
849	80204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đức Hòa, Long An
850	80204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đức Huệ. Long An

851	60204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đức Linh, Bình Thuận
852	42204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Đức Thọ, Hà Tĩnh
853	35204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Duy Tiên, Hà Nam
854	27204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Gia Bình
855	37204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Gia Viễn, Ninh Bình
856	45204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Gio Linh
857	25204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Hạ Hoà, Phú Thọ II
858	04204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Hạ Lang, Cao Bằng
859	04204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Hà Quảng, Cao Bằng
860	22204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Hải Hà Đông, Quảng Ninh
861	45204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Hải Lăng
862	08204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Hàm Yên, Tuyên Quang
863	24204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang
864	04204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Hoà An, Cao Bằng
865	37204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyen Hoa Lư, Ninh Bình
866	01204037	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Hoài Đức, Hà Nội
867	22204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Hoành Bồ, Quảng Ni nh
868	70204018	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Hớn Quản Tây Bình Phước
869	34204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Hưng Hà Bắc Thái Bình
870	40204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Hưng Nguyên Nam Nghệ An
871	45204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Hướng Hóa
872	42204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Hương Khê,Hà Tĩnh II
873	42204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Hương Sơn,Hà Tĩnh
874	46204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Hương Thuỷ, Thừa Thiên Huế
875	46204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Hương Trà, Thừa Thiên Huế
876	64204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Ia Grai, Gia Lai
877	64204023	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện IaPa, Gia Lai
878	64204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện KBang, Gia Lai
879	56204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Khánh Sơn, Khánh Hòa
880	56204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Khánh Vĩnh, Khánh Hòa
881	33204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Khoái Châu Hưng Yên
882	35204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Kim Bảng, Hà Nam
883	17204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Kim Bôi, Hòa Bình
884	37204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Kim Sơn, Ninh Bình
885	62204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Kon Rẫy, Kon Tum
886	64204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện KongChro, Gia Lai
887	66204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Krông Buk Bắc Đắk Lắk
888	64204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Krông Pa, Gia Lai
889	42204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Kỳ Anh,Hà Tĩnh II
890	40204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Kỳ Sơn tây Nghệ An
891	17204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Kỳ Sơn, Hòa Bình
892	17204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Lạc Sơn, Hòa Bình
893	17204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Lạc Thuỷ, Hòa Bình
894	08204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Lâm Bình, Tuyên Quang
895	68204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Lâm Hà
896	24204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Lạng Giang, Bắc Giang II
897	26204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc
898	42204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Lộc Hà,Hà Tĩnh
899	70204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Lộc Ninh Tây Bình Phước
900	77204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Long Điền, Bà Rịa Vũng Tàu
901	24204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Lục Nam, Bắc Giang II
902	24204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Lục Ngạn, Bắc Giang II
903	17204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Lương Sơn, Hòa Bình
904	27204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Lương Tài
905	35204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Lý Nhân, Hà Nam
906	17204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Mai Châu, Hòa Bình
907	14204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Mai Sơn, Sơn La
908	64204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Mang Yang, Gia Lai
909	44204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Minh Hoá,Bắc Quảng Bình
910	14204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Mộc Châu, Sơn La
911	80204021	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Mộc Hóa Long An
912	11204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Mường Ảng, Điện Biên
913	11204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Mường Chà, Điên Biên
914	10204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Mường Khương Lào Cai II
915	14204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyen Mường La, Sơn La
916	38204033	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Mường Lát, Thanh Hóa
917	11204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Mường Nhé, Điện Biên
918	01204040	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Mỹ Đức Ha Noi
919	08204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Na Hang, Tuyên Quang
920	40204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Nam Đàn,Nam Nghệ An
921	46204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Nam Đông, Thừa Thiên Huế
922	12204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện nậm nhùn Lai Châu
923	38204029	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Nga Sơn Bắc Thanh Hóa
924	40204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Nghi Lộc, Nghệ An
925	42204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Nghi Xuân,Hà Tĩnh
926	40204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Nghĩa Đàn tây Nghệ An
927	62204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Ngọc Hồi, Kon Tum
928	04204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Nguyên Bình, Cao Bằng
929	37204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Nho Quan, Ninh Bình
930	75204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Nhơn Trạch Nam Đồng Nai
931	38204017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Như Thanh,Nam Thanh Hóa
932	38204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Như Xuân Nam Thanh Hóa
933	58204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Ninh Hải, Ninh Thuận
934	56204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Ninh Hòa, Khánh Hòa
935	58204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Ninh Phước, Ninh Thuận
936	58204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Ninh Sơn, Ninh Thuận
937	38204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Nông Cống,Nam Thanh Hóa
938	92204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Phong Điền CT II
939	46204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế
940	19204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Phú Bình, Thái Nguyên
941	74204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Phú Giáo, Bình Dương
942	46204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Phú Lộc, Thừa Thiên Huế
943	19204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Phú Lương,Thái Nguyên
944	25204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Phù Ninh, Phú Thọ II
945	64204025	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Phú Thiện, Gia Lai

946	46204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Phú Vang, Thừa Thiên Huế
947	01204046	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Phú Xuyên, Hà Nội II
948	14204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Phù Yên, Sơn La
949	01204021	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Phúc Thọ, HàTây I
950	70204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Phước Long, Bình Phước
951	38204034	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Quan Sơn, Thanh Hóa
952	46204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế
953	04204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Quảng Hòa, Cao Bằng
954	44204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Quảng Trạch, Bắc Quảng Bình
955	40204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Quế Phong tây Nghệ An
956	27204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Quế Võ
957	01204043	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Quốc Oai Ha Noi
958	40204018	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Quỳ Châu tây Nghệ An
959	40204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Quỳ Hợp,Tây Nghệ An
960	40204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An
961	14204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Quỳnh Nhai, Sơn La
962	34204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Quỳnh Phụ Bắc Thái Bình
963	10204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Sa Pa, Lào Cai II
964	62204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Sa Thầy, Kon Tum
965	24204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Sơn Động, Bắc Giang II
966	08204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Sơn Dương Tuyên Quang
967	26204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Sông Lô, Vĩnh Phúc
968	14204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Sông Mã, Sơn La
969	26204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Tam Đảo, Vĩnh Phúc II
970	26204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Tam Dương, Vĩnh Phúc
971	80204017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Tân Hưng, Long An
972	40204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Tân Kỳ tây Nghệ An
973	17204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Tân Lạc, Hòa Bình
974	75204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Tân Phú, Đồng Nai
975	80204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Tân Thạnh, Long An
976	80204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Tân Trụ, Long An
977	74204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Tân Uyên, Bình Dương
978	24204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Tân Yên, Bắc Giang
979	04204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Thạch An, Cao Bằng
980	42204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Thạch hà,Hà Tĩnh II
981	01204047	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Thạch Thất Hà Nội I
982	40204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Thanh Chương,Nam Nghệ An
983	80204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Thạnh Hóa, Long An
984	35204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Thanh Liêm, Hà Nam II
985	01204039	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Thanh Oai Hà Nội II
986	92204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Thới Lai CT II
987	75204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Thống Nhất, Đồng Nai
988	04204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Thông Nông, Cao Bằng
989	80204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Thủ Thừa, Long An
990	14204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Thuận Châu, Sơn La
991	27204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Thuận Thành
992	38204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Thường Xuân Nam Thanh Hóa
993	27204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Tiên Du Bắc Ninh II
994	22204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Tiên Yên, Quảng Ninh
995	04204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Trà Lĩnh, Cao Bằng
996	45204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Triệu Phong
997	04204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Trùng Khánh, Cao Bằng
998	11204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Tủa Chùa Điện Biên
999	11204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Tuần Giáo, Điên Biên
1000	40204017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Tương Dương tây Nghệ An
1001	60204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Tuy Phong, Bình Thuận
1002	01204041	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Ứng Hòa Ha Noi
1003	10204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Văn Bàn, Lào Cai
1004	22204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Vân Đồn, Quảng Ninh
1005	33204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Văn Giang, Hưng Yên II
1006	33204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Văn Lâm, Hưng Yên II
1007	56204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Vạn Ninh, Khánh Hòa
1008	24204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyen Việt Yên, Bắc Giang
1009	75204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Vĩnh Cửu,Bắc Đồng Nai
1010	80204018	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Vĩnh Hưng, Long An
1011	45204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	huyện Vĩnh Linh
1012	92204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Vĩnh Thạnh CT II
1013	26204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc
1014	19204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Võ Nhai, Thái Nguyên
1015	42204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Vũ Quang,Hà Tĩnh
1016	75204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Xuân Lộc, Đồng Nai
1017	77204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Xuyên Mộc, Bà Rịa Vũng Tàu
1018	14204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Yên Châu, Sơn La
1019	24204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Yên Dũng, Bắc Giang
1020	37204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Yên Khánh, Ninh Bình
1021	26204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Yên Lạc, Vĩnh Phúc II
1022	37204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Yên Mô, Ninh Bình
1023	33204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Yên Mỹ, Hưng Yên II
1024	27204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Yên Phong
1025	08204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Yên Sơn, Tuyên Quang
1026	40204021	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Yên Thành, Nghệ An
1027	24204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Yên Thế, Bắc Giang II
1028	17204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Huyện Yên Thuỷ, Hòa Bình
1029	75204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	HuyệnTrảng Bom Bắc Đồng nai
1030	44204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	HuyệnTuyên Hoá,Bắc Quảng Bình
1031	48204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	KCN Đà Nẵng
1032	48204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	KCN Hòa Khánh Nam ĐN
1033	86204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	KCN Hoà Phú, Vĩnh Long
1034	52204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	KCN Phú Tài, Bình Định
1035	74204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	KCN Sóng thần
1036	75204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	KCN Tam Phước, Đồng Nai
1037	77204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	KCN Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu
1038	72204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	KCN Trảng Bàng, Tây Ninh
1039	24204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	KĐình Trám, Bắc Giang
1040	94204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Kế Sách, Sóc Trăng

1041	49204022	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Khu Điện Nam - Điện Ngọc
1042	49204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Khu Kinh tế mở Chu Lai, Quảng Nam
1043	27204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Khu Tiên Sơn bắc Ninh II
1044	22204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Khu Vực Bãi Cháy, Quảng Ninh
1045	37204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Khu vực Bình Minh, Ninh Bình
1046	80204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Khu Vực Cầu Voi, Long An
1047	37204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Khu vực Gián Khẩu, Ninh Bình
1048	80204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Khu Vực Gò Đen, Long An
1049	37204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Khu vực Rịa, Ninh Bình
1050	31204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Kien An HP
1051	91204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Kiên Giang
1052	91204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Kiên Hải, Kiên Giang
1053	91204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Kiên Lương, Kiên Giang
1054	31204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Kien Thuy
1055	34204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Kiến Xương, Thái Bình
1056	33204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Kim Động, Hưng Yên
1057	10204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Kim Tân Lào Cai II
1058	30204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Kim Thành, Hải Dương II
1059	10204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Kim Thành, Lào Cai II
1060	30204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Kinh Môn, Hải Dương II
1061	66204022	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Krông Ana, Đăk Lăk
1062	66204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Krông Bông, Đăk Lăk
1063	66204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Krông Năng, Đăk Lăk
1064	67204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Krông Nô, Đăk Nông
1065	66204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Krông Păk, Đăk Lăk
1066	72204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	KV Mía đường Tân Hưng, Tây Ninh
1067	31204024	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Kỳ Sơn
1068	68204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lạc Dương, Lâm Đồng
1069	87204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lai Vung, Đồng Tháp
1070	66204024	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lăk, Đăk Lăk
1071	68204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lâm Đồng II
1072	38204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lam Sơn, Thanh Hóa
1073	25204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lâm Thao, Phú Thọ
1074	38204031	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lang Chánh, Thanh Hóa
1075	01204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lang Ha Ha Noi
1076	45204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lao Bảo
1077	10204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lào Cai II
1078	87204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lấp Vò, Đồng Tháp
1079	66204028	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lê Hồng Phong, Đăk Lăk
1080	66204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lê Thánh Tông, Đăk Lăk
1081	44204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lệ Thuỷ, Quảng Bình
1082	48204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lien Chieu Nam ĐN
1083	68204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lộc An Nam Lâm Đồng
1084	20204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lộc Bình, Lạng Sơn
1085	70204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lộc Hiệp,Tây Bình Phước
1086	68204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lộc Phát Lâm Đồng
1087	01204019	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Long bien
1088	86204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Long Hồ, Vĩnh Long
1089	93204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Long Mỹ, Hậu Giang
1090	94204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Long Phú, Sóc Trăng
1091	15204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lục Yên bắc
1092	60204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lương Sơn, Bình Thuận
1093	51204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lý Sơn, Quảng Ngãi
1094	44204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lý Thái Tổ, Quảng Bình
1095	79204047	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lý Thường Kiệt
1096	44204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Lý Thường Kiệt, Quảng Bình
1097	66204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	M DRăk, Đăk Lăk
1098	86204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Mang Thít, Vĩnh Long
1099	22204020	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Mạo Khê, Tây Quảng Ninh
1100	01204051	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Mê Linh
1101	02204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Mèo Vạc, Hà Giang
1102	79204037	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Mien Dong
1103	51204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Minh Long, Quảng Ngãi
1104	83204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Mỏ Cày Bắc, Bến Tre
1105	83204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Mỏ Cày Nam, Bến Tre
1106	51204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Mộ Đức, Quảng Ngãi
1107	15204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Mù Cang Chải, Yên Bái
1108	12204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Mường Tè, Lai Châu
1109	01204024	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Mỹ Đình
1110	91204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Mỹ Lâm, Kiên Giang
1111	36204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Mỹ Lộc, Nam Định
1112	89204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Mỹ Luông, An Giang
1113	79204049	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	My Thanh
1114	94204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Mỹ Tú, Sóc Trăng
1115	94204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Mỹ Xuyên, Sóc Trăng
1116	06204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Na Rì, Bắc Kạn
1117	31204018	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Am
1118	22204019	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Cắm Phả, Quảng Ninh
1119	96204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Năm Căn, Cà Mau
1120	48204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Đà Nẵng
1121	75204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Đồng Nai
1122	67204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Dong, Đăk Nông
1123	84204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Duyên Hải Trà Vinh
1124	49204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Giang, Quảng Nam
1125	01204017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Hà nội
1126	79204039	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Hoa
1127	40204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Nghệ AN
1128	56204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Nha Trang, Khánh hòa
1129	37204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Ninh Bình, Ninh Bình
1130	60204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Phan Thiết, Bình Thuận
1131	49204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Phước, Quảng Nam
1132	04204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Quảng Hòa, Cao Bằng
1133	30204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Sách, Hải Dương II
1134	79204026	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Sai Gon
1135	46204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Sông Hương, Thừa Thiên Huế

1136	38204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Thanh Hóa
1137	79204022	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam TP Hồ Chí Minh
1138	54204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam TP Tuy Hoà, Phú Yên
1139	49204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Trà My, Quảng Nam
1140	36204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam Trực, Nam Định
1141	36204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nam ý Yên, Bắc Nam Định
1142	94204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ngã Năm, Sóc Trăng
1143	06204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ngân Sơn, Bắc Kạn
1144	40204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nghệ An
1145	38204019	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nghi Sơn Nam Thanh Hóa
1146	51204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nghĩa Hành, Quảng Ngãi
1147	36204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nghĩa Hưng, Nam Định
1148	31204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ngo Quyen
1149	96204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ngọc Hiển, Cà Mau
1150	38204032	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ngọc Lặc, Thanh Hóa
1151	48204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ngu Hanh Son
1152	31204017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ngũ Lão
1153	79204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nha be TP Hồ Chí Minh
1154	30204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ninh Giang, Hải Dương
1155	66204027	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nơ Trang Long, Đăk Lăk
1156	49204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Nông Sơn, Quảng Nam
1157	49204027	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Núi Thành, Quảng Nam
1158	48204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ông Ích Khiêm Nam ĐN
1159	06204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Pắc Nặm, Bắc Kạn
1160	94204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	PGD Đại Ngãi,Sóc Trăng
1161	62204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	PGD Lê Lợi, Kon Tum
1162	62204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	PGD Thắng Lợi, Kon Tum
1163	30204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phả Lại, Hải Dương II
1164	66204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phan Chu Trinh, Đăk Lăk
1165	79204036	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phan Dinh Phung
1166	60204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phan Rí Cửa, Bình Thuận
1167	12204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phong Thổ, Lai Châu
1168	52204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phù Cát, Bình Định
1169	33204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phù Cừ, Hưng Yên
1170	54204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phú Hoà, Phú Yên
1171	79204031	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phú Mỹ Hưng
1172	52204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phù Mỹ, Bình Định
1173	79204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phu Nhuan TP Hồ Chí Minh
1174	49204026	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phú Ninh, Quảng Nam
1175	91204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phú Quốc
1176	60204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phú Quý, Bình Thuận
1177	70204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phú Riềng, Bình Phước
1178	89204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phú Tân, An Giang
1179	96204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phú Tân, Cà Mau
1180	25204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phú Thọ II
1181	93204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phụng Hiệp, Hậu Giang
1182	70204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phước Bình, Bình Phước
1183	95204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phước Long, Bạc Liêu
1184	49204017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phước Sơn, Quảng Nam
1185	17204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Phương Lâm, Hòa Bình
1186	02204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Quản Bạ, Hà Giang
1187	38204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Quan Hoá, Thanh Hóa
1188	79204035	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Quan I
1189	92204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Quan O Mon CT
1190	02204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Quang Bình, Hà Giang
1191	44204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Quảng Ninh, Quảng Bình
1192	62204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Quang Trung, Kon Tum
1193	44204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Quang Trung, Quảng Bình
1194	49204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Quế Sơn, Quảng Nam
1195	62204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Quyết Thắng, Kon Tum
1196	91204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Rạch Sỏi, Kiên Giang
1197	51204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Sa Huỳnh, Quảng Ngãi
1198	79204023	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	SAI GON
1199	12204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Sìn Hồ, Lai Châu
1200	84204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Số 1, Trà Vinh
1201	38204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Số 2,Nam Thanh Hóa
1202	38204023	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Số 3, Thanh Hóa
1203	38204024	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Số 4, Thanh Hóa
1204	01204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	So giao dich
1205	74204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Sở Sao, Bình Dương
1206	01204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Soc Son Ha Noi
1207	51204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Sơn Hà, Quảng Ngãi
1208	54204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Sơn Hoà, Phú Yên
1209	51204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Sơn Tịnh, Quảng Ngãi
1210	48204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Son Tra DN
1211	19204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Sông Cầu, Thái Nguyên
1212	17204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Sông Đà, Hòa Bình
1213	54204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Sông Hinh, Phú Yên
1214	86204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tam Bình, Vĩnh Long
1215	49204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tam Đàn, Quảng Nam
1216	12204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tam Đường, Lai Châu
1217	87204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tam Nông, Đồng Tháp
1218	25204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tam Nông, Phú Thọ
1219	01204033	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tam trinh
1220	72204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tân Biên, Tây Ninh
1221	79204020	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tan Binh TP Hồ Chí Minh
1222	72204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tân Châu, Tây Ninh
1223	48204017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tân Chính Nam ĐN
1224	75204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tân Hiệp, Đồng Nai
1225	91204018	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tân Hiệp, Kiên Giang
1226	87204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tân Hồng, Đồng Tháp
1227	66204019	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tân Lập, Đăk Lăk
1228	82204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tân Phú Đông, Tiền Giang
1229	79204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tan Phu TP Hồ Chí Minh
1230	74204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tân Phước Khánh, Bình Dương

1231	82204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tân Phước, Tiền Giang
1232	25204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tân Sơn, Phú Thọ
1233	79204045	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tân Tạo
1234	70204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tân Thành, Bình Phước
1235	12204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tân Uyên, Lai Châu
1236	60204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tánh Linh, Bình Thuận
1237	70204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tây Bình Phước
1238	01204031	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tây Đô
1239	49204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tây Giang, Quảng Nam
1240	01204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tay Ha Noi
1241	01204025	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tây Hồ
1242	54204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tây Hoà, Phú Yên
1243	40204019	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tây Nghệ An
1244	22204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tây Quảng Ninh
1245	79204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tay Sai Gon
1246	42204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tây Sơn Hà Tĩnh
1247	52204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tây Sơn, Bình Định
1248	34204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thái Thuỵ, Thái Bình
1249	12204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Than Uyên, Lai Châu
1250	49204018	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thăng Bình, Quảng Nam
1251	01204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thang Long
1252	25204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thanh Ba, Phú Thọ II
1253	87204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thanh Bình, Đồng Tháp
1254	79204040	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thành Đô
1255	30204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thành Đông, Hải Dương
1256	30204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thanh Hà, Hải Dương
1257	48204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thanh Khe DN
1258	30204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thanh Miện, Hải Dương
1259	25204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thanh Miếu, Phú Thọ
1260	36204014	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thành Nam,Bắc Nam Định
1261	22204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thành Phố Hạ Long, Quảng Ninh
1262	79204050	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	thành phố Thủ Đức II
1263	54204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thành phố Tuy Hòa
1264	83204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thạnh Phú, Bến Tre
1265	94204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thạnh Phú, Sóc Trăng
1266	42204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thành Sen,Hà tĩnh
1267	25204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thanh Sơn, Phú Thọ
1268	02204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thanh Thuỷ, Hà Giang
1269	25204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thanh Thuỷ, Phú Thọ
1270	01204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thanh Tri Ha Noi
1271	94204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thạnh Trị, Sóc Trăng
1272	58204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tháp Chàm, Ninh Thuận
1273	87204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tháp Mười, Đồng Tháp
1274	52204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị xã An Nhơn, Bình Định
1275	22204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị Xã Cẩm Phả, Quảng Ninh
1276	56204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị Xã cam Ranh, Khánh Hòa
1277	40204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị Xã Cửa Lò, Nghệ An
1278	74204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị xã Dĩ An Sóng Thần, Bình Dương
1279	67204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị xã Gia Nghĩa, Đăk Nông
1280	91204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị xã Hà Tiên, Kiên Giang
1281	42204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị xã Hồng Lĩnh,Hà Tĩnh
1282	80204020	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị Xã Kiến Tường, Long An
1283	42204017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	thị xã Kỳ Anh Hà Tĩnh II
1284	60204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị Xã LaGi, Bình Thuận
1285	75204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị xã Long Khánh, Đồng Nai
1286	11204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị Xã Mường Lay, Điện Biên
1287	93204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị xã Ngã Bảy, Hậu Giang
1288	19204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị Xã Phổ Yên, Thái Nguyên
1289	77204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị xã Phú Mỹ, Bà Rịa Vũng Tàu
1290	22204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị Xã Quảng Yên, Quảng Ninh
1291	80204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị Xã Tân An, Long An
1292	74204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thị xã Thuận An Sóng Thần
1293	38204018	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thiệu Hoá, Thanh Hóa
1294	26204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thổ Tang, Vĩnh Phúc
1295	38204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thọ Xuân, Thanh Hóa
1296	89204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thoại Sơn, An Giang
1297	96204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thới Bình, Cà Mau
1298	92204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thot Not CT
1299	01204030	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thủ Đô
1300	79204024	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thu Duc TP Hồ Chí Minh
1301	46204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thừa Thiên Huế
1302	31204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Thủy Nguyên
1303	82204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tiền Giang
1304	34204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tiền Hải, Thái Bình
1305	31204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tien Lãng HP
1306	33204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tiên Lữ, Hưng Yên
1307	49204024	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tiên Phước, Quảng Nam
1308	84204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tiểu Cần, Trà Vinh
1309	89204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh An Giang
1310	06204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Bắc cạn
1311	24204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Bắc Giang
1312	95204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Bạc Liêu
1313	27204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Bắc Ninh
1314	83204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Bến Tre
1315	89204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tịnh Biên, An Giang
1316	74204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Bình Dương
1317	60204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Bình Thuận
1318	96204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Cà Mau
1319	04204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Cao bằng
1320	67204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Đắc Nông
1321	66204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh ĐăkLăk
1322	11204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Điện Biên
1323	02204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Hà Giang
1324	35204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Hà Nam
1325	42204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Hà Tĩnh

1326	30204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Hải Dương
1327	17204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Hoà Bình
1328	33204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Hưng Yên
1329	56204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Khánh Hòa
1330	62204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Kon Tum
1331	12204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Lai Châu
1332	68204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Lâm Đồng
1333	20204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Lạng Sơn
1334	10204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Lào Cai
1335	80204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Long An
1336	36204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Nam Định
1337	37204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Ninh Bình
1338	58204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Ninh Thuận
1339	25204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Phú thọ
1340	54204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Phú Yên
1341	44204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Quảng Bình
1342	49204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Quảng Nam
1343	51204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Quảng Ngãi
1344	22204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Quảng Ninh
1345	45204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Quảng trị
1346	94204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Sóc Trăng
1347	14204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Sơn La
1348	72204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Tây Ninh
1349	34204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Thái Bình
1350	19204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Thái Nguyên
1351	38204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Thanh Hoá
1352	08204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Tuyên Quang
1353	86204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Vĩnh Long
1354	26204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Vĩnh Phúc
1355	15204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	tỉnh Yên bái
1356	24204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Bắc Giang, Bắc Giang II
1357	95204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Bạc Liêu, Bạc Liêu
1358	27204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Bắc Ninh
1359	68204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Bảo Lộc Lâm Đồng II
1360	83204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Bến Tre, Bến Tre
1361	75204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Biên Hòa,Bắc Đồng Nai
1362	66204020	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Buôn Ma Thuột, Đăk Lăk
1363	96204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Cà Mau, Cà Mau
1364	04204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Cao Bằng
1365	87204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Cao Lãnh, Đồng Tháp
1366	89204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Châu Đốc, An Giang
1367	68204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Đà Lạt, Lâm Đồng
1368	48204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Đa Nang
1369	11204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Điên Biên Phủ
1370	45204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Đông Hà
1371	30204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Hải Dương, Hải Dương
1372	31204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Hai Phong
1373	79204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Ho Chi Minh
1374	49204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Hội An, Quảng Nam
1375	33204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Hưng Yên, Hưng Yên
1376	12204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Lai Châu, Lai Châu
1377	20204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Lạng Sơn, Lạng Sơn
1378	89204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Long Xuyên, An Giang
1379	82204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Mỹ Tho, Tiền Giang
1380	36204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Nam Định, Nam Định
1381	56204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tp Nha Trang
1382	37204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Ninh Bình, Ninh Bình
1383	58204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Phan Rang, Ninh Thuận
1384	60204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Phan Thiết, Bình Thuận
1385	64204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Pleiku, Gia Lai
1386	51204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Quảng Ngãi, Quảng Ngãi
1387	52204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tp Quy Nhơn
1388	91204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Rạch Giá Kiên Giang
1389	87204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Sa đéc, Đồng Tháp
1390	94204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Sóc Trăng, Sóc Trăng
1391	14204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Sơn La, Sơn La
1392	19204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Sông Công, Thái Nguyên
1393	37204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Tam Điệp, Ninh Bình
1394	49204020	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Tam Kỳ, Quảng Nam
1395	34204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Thái Bình
1396	19204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Thái Nguyên, Thái Nguyên
1397	38204026	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Thanh Hoá, Thanh Hóa
1398	84204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Trà Vinh
1399	08204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Tuyên Quang
1400	22204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Uông Bí,Tây Quảng Ninh
1401	93204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Vị Thanh - Hậu Giang
1402	86204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Vĩnh Long, Vĩnh Long
1403	26204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc
1404	15204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TP Yên Bái II, Yên Bái
1405	51204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Trà Bồng, Quảng Ngãi
1406	84204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Trà Cú, Trà Vinh
1407	86204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Trà Ôn, Vĩnh Long
1408	84204001	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Trà Vinh
1409	15204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Trạm Tấu, Yên Bái
1410	94204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Trần Đề, Sóc Trăng
1411	44204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Trần Hưng Đạo, Quảng Bình
1412	31204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Trần Phú
1413	96204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Trần Văn Thời, Cà Mau
1414	15204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Trấn Yên, Yên Bái
1415	01204029	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tràng An
1416	72204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Trảng Bàng, Tây Ninh
1417	20204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tràng Định, Lạng Sơn
1418	89204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tri Tôn, An Giang
1419	38204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Triệu Sơn, Thanh Hóa
1420	36204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Trực Ninh, Nam Định

1421	79204015	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Trung tâm Sài Gòn
1422	01204027	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Trung Yen
1423	46204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Trường An, Thừa Thiên Huế
1424	79204048	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Trường Sơn
1425	49204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Trường Xuân, Quảng Nam
1426	30204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tứ Kỳ, Hải Dương
1427	01204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tu liem Hà Nội
1428	51204006	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi
1429	54204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tuy An, Phú Yên
1430	52204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Tuy Phước, Bình Định
1431	64204017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TX An Khê, Gia Lai
1432	38204022	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TX Bỉm Sơn Bắc Thanh Hóa
1433	70204016	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TX Bình Long Tây Bình Phước
1434	86204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TX Bình Minh, Vĩnh Long
1435	82204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TX Cai Lậy, Tiền Giang
1436	49204021	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TX Điện Bàn, Quảng Nam
1437	82204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TX Gò Công, Tiền Giang
1438	87204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TX Hồng Ngự, Đồng Tháp
1439	15204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TX Nghĩa Lộ, Yên Bái
1440	25204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TX Phú Thọ, Phú Thọ II
1441	45204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TX Quảng Trị
1442	54204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TX Sông Cầu, Phú Yên
1443	89204008	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TX Tân Châu, An Giang
1444	74204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	TX Thủ Dầu Một, Bình Dương
1445	91204019	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	U Minh Thượng, Kiên Giang
1446	96204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	U Minh, Cà Mau
1447	31204021	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vàm Láng
1448	52204013	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vân Canh, Bình Định
1449	15204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Văn Chấn, Yên Bái
1450	25204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vân Cơ, Phú Thọ
1451	20204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Văn Lãng, Lạng Sơn
1452	20204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Văn Quan, Lạng Sơn
1453	01204022	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vạn Xuân
1454	15204009	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Văn Yên Bắc
1455	93204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vị Thuỷ, Hậu Giang
1456	02204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vị Xuyên, Hà Giang
1457	31204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vinh Bao HP
1458	94204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vĩnh Châu, Sóc Trăng
1459	56204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vĩnh Hiệp, Khánh Hòa
1460	95204007	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vĩnh Lợi, Bạc Liêu
1461	26204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vĩnh Phúc II
1462	52204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vĩnh Thạnh, Bình Định
1463	56204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vĩnh Thọ, Khánh Hòa
1464	91204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vĩnh Thuận, Kiên Giang
1465	79204017	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	VPĐD KV Miền Nam
1466	48204018	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	VPĐD KV Miền Trung
1467	92204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	VPĐD KV Tây Nam Bộ
1468	36204003	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vụ Bản, Nam Định
1469	34204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vũ Thư, Thái Bình
1470	86204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vũng Liêm, Vĩnh Long
1471	77204002	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Vũng Tàu
1472	02204010	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Xín Mần, Hà Giang
1473	01204048	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Xuân Mai, Hà Nội I
1474	36204011	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Xuân Trường, Nam Định
1475	79204044	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Xuyên Á
1476	36204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Ý Yên, Nam Định
1477	15204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Yên Bình Bắc
1478	38204005	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Yên Định, Thanh Hóa
1479	64204019	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Yên Đổ, Gia Lai
1480	25204012	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Yên Lập, Phú Thọ
1481	02204004	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	Yên Minh, Hà Giang
1482	79204500	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Agribank	#N/A
1483	01207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Sở Giao dịch
1484	77207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	bà rịa-vũng tàu
1485	04207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Cao Bằng
1486	48207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Da Nang
1487	67207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Đắc Nông
1488	01207002	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Hà Nội
1489	01207003	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Hà Tây
1490	42207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Hà Tĩnh
1491	30207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Hải Dương
1492	31207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Hải Phòng
1493	01207004	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Hội sở chính
1494	91207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Kiên Giang
1495	12207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Lai Châu
1496	40207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Nghệ An
1497	37207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Ninh Bình
1498	49207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	quảng nam
1499	51207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Quảng Ngãi
1500	19207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Thái Nguyên
1501	46207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	thừa thiên huế
1502	89207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh An Giang
1503	24207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Bắc Giang
1504	06207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	tỉnh Bắc Kạn
1505	95207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Bạc Liêu
1506	27207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	tỉnh bắc ninh
1507	83207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Bến Tre
1508	52207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	tỉnh Bình định
1509	74207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	tỉnh bình dương
1510	70207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Bình Phước
1511	60207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Bình Thuận
1512	96207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Cà Mau
1513	66207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh ĐăkLăk
1514	11207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh điện Biên
1515	75207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	tỉnh đồng nai

1516	87207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh đồng tháp
1517	64207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Gia Lai
1518	02207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Hà Giang
1519	35207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	tỉnh Hà Nam
1520	93207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Hậu Giang
1521	17207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Hòa Bình
1522	33207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Hưng Yên
1523	56207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Khánh Hòa
1524	62207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Kon Tum
1525	68207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Lâm đồng
1526	20207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Lạng Sơn
1527	10207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Lào Cai
1528	80207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Long An
1529	36207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Nam định
1530	58207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	tỉnh Ninh Thuận
1531	25207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Phú Thọ
1532	54207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Phú Yên
1533	44207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	tỉnh Quảng Bình
1534	22207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Quảng Ninh
1535	45207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	tỉnh Quảng Trị
1536	94207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Sóc Trăng
1537	14207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	tỉnh Sơn La
1538	72207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Tây Ninh
1539	34207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Thái Bình
1540	38207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	tỉnh thanh hóa
1541	82207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Tiền Giang
1542	84207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Trà Vinh
1543	08207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Tuyên Quang
1544	86207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	tỉnh Vĩnh Long
1545	26207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	tỉnh vĩnh phúc
1546	15207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	Tỉnh Yên Bái
1547	92207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	TP Cần Thơ
1548	79207001	Ngân hàng Chính sách Xã hội	Vietnam bank for social policies	TP Hồ Chí MinhC
1549	01208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Tất cả (All branches)
1550	77208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Bà Rịa Vũng Tàu
1551	52208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Bình Định
1552	60208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Bình Thuận
1553	11208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Điện Biên
1554	75208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Đồng Nai
1555	64208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Gia Lai
1556	02208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Hà Giang
1557	42208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Hà Tĩnh
1558	24208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Khu vực Bắc Đông Bắc
1559	19208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Khu vực Bắc Kạn Thái Nguyên
1560	92208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Khu vực Cần Thơ
1561	66208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	khu vực ĐăkLăk-Đắc Nông
1562	31208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Khu vực Đông Bắc
1563	89208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Khu vực Đồng Tháp - An Giang
1564	96208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	khu vực Minh Hải
1565	91208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Kiên Giang
1566	62208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Kon Tum
1567	04208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	KV Bắc Đông Bắc - PGD Cao Bằng
1568	74208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	KV Bình Dương-Bình Phước
1569	36208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	KV Hà Nam Ninh
1570	30208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	KV Hải dương - Hưng Yên
1571	56208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	KV Nam Trung Bộ
1572	48208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	KV Quảng Nam-Đà Nẵng
1573	83208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	KV Sông Tiền
1574	46208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	KV Thừa Thiên Huế Quảng Trị
1575	12208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Lai Châu
1576	68208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Lâm Đồng
1577	20208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Lạng Sơn
1578	10208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Lào Cai
1579	40208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Nghệ An
1580	37208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Ninh Bình
1581	84208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	PDG Trà Vinh
1582	06208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	PGD Bắc Kạn
1583	95208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	PGD Bạc Liêu
1584	27208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	PGD Bắc Ninh
1585	70208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	PGD Bình Phước
1586	87208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	PGD Đồng Tháp
1587	35208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	PGD Hà Nam
1588	33208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	PGD Hưng Yên
1589	58208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	PGD Ninh Thuận
1590	49208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	PGD Quảng Nam
1591	45208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	PGD Quảng Trị
1592	72208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	PGD Tây Ninh
1593	82208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	PGD Tiền Giang
1594	86208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	PGD Vĩnh Long
1595	26208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	PGD Vĩnh Phúc
1596	25208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Phú Thọ
1597	54208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Phú Yên
1598	44208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Quảng Bình
1599	51208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Quảng Ngãi
1600	22208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Quảng Ninh
1601	79208002	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	So giao dich 2
1602	01208002	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	So Giao Dich I
1603	17208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Sở Giao dịch I Phòng Giao dịch Tỉnh Hòa Bình
1604	94208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Sóc Trăng
1605	14208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Sơn La
1606	01208006	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Tạp chí Hỗ trợ PT
1607	34208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Thái Bình
1608	38208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Thanh Hóa
1609	08208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Tuyên Quang

1610	01208004	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Văn phòng NHPT
1611	15208001	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	Vietnam Development Bank	Yên Bái
1612	01302001	Ngân hàng TMCP Hàng Hải	Maritime Bank	Tất cả (All branches)
1613	79302001	Ngân hàng TMCP Hàng Hải	Maritime Bank	TP Hồ Chí MinhC
1614	79303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Tất cả (All branches)
1615	79303500	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	-
1616	89303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	An Giang
1617	77303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Bà Rịa Vũng Tàu
1618	95303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Bạc Liêu
1619	27303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Bắc Ninh
1620	74303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Bến Cát
1621	79303019	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Bến Thành
1622	83303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Bến Tre
1623	79303023	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Bình Chánh
1624	52303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Bình Định
1625	74303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Bình Dương
1626	70303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Bình Phước
1627	79303007	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Bình Tân
1628	86303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Bình Tân Vĩnh Long
1629	79303016	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Bình Tây
1630	79303017	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Bình Thạnh
1631	60303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Bình Thuận
1632	96303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Cà Mau
1633	92303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Can Tho
1634	79303003	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Chợ lớn
1635	70303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Chơn Thành
1636	79303004	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Củ Chi
1637	48303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Da Nang
1638	79303021	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Đại Nam
1639	67303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Đak Nông
1640	66303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	ĐăkLăk
1641	79303018	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Điện Biên Phủ
1642	01303011	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Đông Anh
1643	01303004	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Dong Da
1644	01303008	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Đông Đô
1645	75303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Đồng Nai
1646	87303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Đồng Tháp
1647	84303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Duyên Hải
1648	64303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Gia Lai
1649	01303010	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Giảng Võ
1650	82303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Gò Công Đông
1651	91303003	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Gò Quao
1652	79303011	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Gò Vấp
1653	35303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Hà Nam
1654	01303005	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Ha Noi
1655	42303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Hà Tĩnh
1656	30303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Hải Dương
1657	31303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Hai Phong
1658	60303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Hàm Thuận Nam
1659	01303009	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Hàng Bài
1660	93303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Hậu Giang
1661	79303015	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Hoa Việt
1662	79303029	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Hóc Môn
1663	46303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Huế
1664	33303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Hưng Yên
1665	56303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Khánh Hòa
1666	91303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Kiên Giang
1667	62303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	KonTum
1668	68303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Lâm Đồng
1669	20303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Lạng Sơn
1670	10303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Lào Cai
1671	66303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Lê Thánh Tông
1672	80303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Long An
1673	01303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Long Biên
1674	75303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Long Khánh
1675	36303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Nam Định
1676	40303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Nghệ An
1677	79303028	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Nguyễn văn Trỗi
1678	79303024	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Nhà Bè
1679	37303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Ninh Bình
1680	58303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Ninh Thuận
1681	79303025	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Phú Lâm
1682	79303027	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Phú Nhuận
1683	91303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Phú Quốc
1684	25303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Phú Thọ
1685	54303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Phú Yên
1686	93303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Phụng Hiệp
1687	79303022	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Quận 1
1688	79303030	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Quận 11
1689	79303005	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Quận 12
1690	79303006	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Quận 2
1691	79303012	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Quận 4
1692	79303020	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Quận 5
1693	79303031	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Quận 7
1694	79303013	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Quận 8
1695	44303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Quảng Bình
1696	49303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Quảng Nam
1697	51303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Quảng Ngãi
1698	22303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Quảng Ninh
1699	45303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Quảng Trị
1700	79303010	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Sài Gòn
1701	94303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Sóc Trăng
1702	48303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Sông Hàn
1703	79303008	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Tân Bình
1704	79303026	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Tân Định

1705	79303014	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Tân Phú
1706	80303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Tân Thạnh
1707	72303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Tây Ninh
1708	34303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Thái Bình
1709	19303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Thái Nguyên
1710	01303006	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Thang Long
1711	38303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Thanh Hóa
1712	83303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Thạnh Phú
1713	01303007	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Thanh Trì
1714	79303009	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Thủ Đức
1715	01303003	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Thường Tín
1716	82303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Tiền Giang
1717	56303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	TP Nha Trang
1718	94303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	TP Sóc Trăng
1719	77303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	TP Vũng Tàu
1720	84303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Trà Vinh
1721	79303002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Trung Tâm
1722	01303012	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Từ Liêm
1723	86303001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Sacombank	Vĩnh Long
1724	79304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Tất cả (All branches)
1725	24304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Bắc Giang
1726	95304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Bạc Liêu
1727	27304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Bắc Ninh
1728	83304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Bến Tre
1729	52304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Bình Định
1730	74304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	bình dương
1731	70304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Bình Phước
1732	60304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Bình Thuận
1733	96304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Cà Mau
1734	92304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Cần Thơ
1735	48304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Chi nhánh không thuộc mục 47
1736	79304013	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Củ Chi
1737	66304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Đắc Lắc
1738	67304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Đắk Nông
1739	79304006	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Đinh Tiên Hoàng
1740	75304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Đồng Nai
1741	87304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Đồng Tháp
1742	64304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Gia Lai
1743	79304007	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Gò Vấp
1744	35304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Hà Nam
1745	01304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Ha Noi
1746	31304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Hải Phòng
1747	93304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Hậu Giang
1748	33304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Hưng Yên
1749	91304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Kiên Giang
1750	62304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Kon Tum
1751	68304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Lâm Đồng
1752	80304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Long An
1753	36304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Nam Định
1754	56304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Nha Trang
1755	58304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Ninh Thuận
1756	79304010	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	PGD Bình Tây
1757	49304002	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	PGD Hội An
1758	79304005	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	PGD Lê Đại Hành
1759	79304011	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Phú Nhuận
1760	54304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Phú Yên
1761	79304002	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Quận 1
1762	79304003	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Quận 10
1763	79304015	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Quận 3
1764	79304009	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Quận 5
1765	79304012	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Quận 7
1766	49304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	quảng nam
1767	51304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Quảng Ngãi
1768	22304002	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Quảng Ninh
1769	94304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Sóc Trăng
1770	79304004	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Tân Bình
1771	72304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Tây Ninh
1772	34304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Thái Bình
1773	19304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Thái Nguyên
1774	79304008	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Thủ Đức
1775	74304002	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Thuận An
1776	82304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Tiền Giang
1777	89304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	tỉnh An Giang
1778	46304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	TP Huế
1779	79304014	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	TP.TP Hồ Chí Minh
1780	84304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Trà Vinh
1781	86304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Vĩnh Long
1782	26304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Vĩnh Phúc
1783	77304001	Ngân hàng TMCP Đông A	East Asia Commercial Joint Stock Bank	Vũng Tàu
1784	79305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Tất cả (All branches)
1785	89305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	An Giang
1786	01305002	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Ba Đình
1787	77305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Bà Rịa - Vũng Tàu
1788	24305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Bắc Giang
1789	95305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Bạc Liêu
1790	27305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Bắc Ninh
1791	52305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Bình Định
1792	74305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Bình Dương
1793	79305013	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Bình Phú
1794	70305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Bình Phước
1795	79305015	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Bình Tân
1796	66305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Buôn Ma Thuột
1797	92305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Can tho
1798	01305005	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Cau Giay
1799	79305007	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Chợ Lớn

1800	79305012	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Cộng Hòa
1801	68305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Đà Lạt
1802	48305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Da nang
1803	01305006	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Đống Đa
1804	75305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Đồng Nai
1805	87305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Đồng Tháp
1806	01305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Ha Noi
1807	31305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Hai phong
1808	79305005	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Hoa Binh TP Hồ Chí Minh
1809	46305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Huế
1810	48305002	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Hung Vuong DN
1811	91305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Kiên Giang
1812	80305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Long An
1813	01305003	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Long Bien
1814	82305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Mỹ Tho
1815	56305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Nha Trang
1816	79305014	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Phú Mỹ Hưng
1817	79305004	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Quan 10 TP Hồ Chí Minh
1818	79305003	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Quan 11 TP Hồ Chí Minh
1819	79305017	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Quận 3
1820	79305009	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Quận 4
1821	79305010	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Quận 7
1822	49305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Quảng Nam
1823	51305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Quảng Ngãi
1824	22305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Quảng Ninh
1825	79305002	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Sài Gòn
1826	79305006	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Tan Dinh TP Hồ Chí Minh
1827	79305016	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Tân Sơn Nhất
1828	92305002	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Tây Đô
1829	01305004	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Thủ Đô
1830	79305011	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Thủ Đức
1831	79305008	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	TP Hồ Chí Minh
1832	40305001	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	Eximbank	Vinh
1833	79306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Tất cả (All branches)
1834	79306004	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	An Đông
1835	89306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	An Giang
1836	79306010	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Bến Thành
1837	83306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Bến Tre
1838	70306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Bình Phước
1839	92306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Cần Thơ
1840	52306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Cấp 1 Quy Nhơn
1841	40306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	CN Nghệ An
1842	48306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Đà Nẵng
1843	66306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Đắk Lắk
1844	67306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Đắk Nông
1845	75306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Đồng Nai
1846	01306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Ha Noi
1847	79306012	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Hàm Nghi
1848	91306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Kiên giang
1849	68306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Lâm Đồng
1850	80306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Long An
1851	79306006	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Ngã Bảy
1852	56306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Nha Trang
1853	58306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Ninh Thuận
1854	58306002	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Ninh Thuận
1855	74306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	PGD Bình Dương
1856	79306002	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	PGD Trường Chinh
1857	25306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Phú Thọ
1858	22306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Quảng Ninh
1859	79306007	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Quang Trung
1860	79306009	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Tân Định
1861	72306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Tây Ninh
1862	79306005	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Thị Nghè
1863	82306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Tiền Giang
1864	79306003	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Trường Chinh
1865	79306011	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Văn Thánh
1866	77306001	Ngân hàng TMCP Nam Á	Nam A Bank	Vũng Tàu
1867	79307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Tất cả (All branches)
1868	01307500	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	-
1869	79307500	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	-
1870	89307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	An Giang
1871	24307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Bắc Giang
1872	95307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Bạc Liêu
1873	27307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Bắc Ninh
1874	83307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Bến Tre
1875	52307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Bình Định
1876	74307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Bình Dương
1877	96307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Cà Mau
1878	92307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Can Tho
1879	79307005	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Chợ Lớn
1880	48307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Da Nang
1881	66307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Đắc lăk
1882	75307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Đồng Nai
1883	87307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Đồng Tháp
1884	31307002	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Duyen Hai
1885	35307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Hà Nam
1886	01307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Ha Noi
1887	42307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Hà Tĩnh
1888	30307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Hải Dương
1889	31307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Hải Phòng
1890	93307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Hậu Giang
1891	49307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Hội An
1892	46307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Huế
1893	33307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Hưng Yên
1894	79307028	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Khai Nguyên

1895	56307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Khánh Hòa
1896	91307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Kien Giang
1897	62307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Kon Tum
1898	68307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Lâm Đồng
1899	80307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Long An
1900	36307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Nam Định
1901	40307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Nghệ An
1902	58307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Ninh Thuận
1903	70307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	PGD Bình Phước
1904	64307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	PGD Gia lai
1905	72307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	PGD Long Hoa
1906	60307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	PGD Phan Thiết
1907	54307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Phú Yên
1908	44307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Quảng Bình
1909	51307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Quảng Ngãi
1910	22307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Quảng Ninh
1911	79307006	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Sài Gòn
1912	94307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Sóc Trăng
1913	72307002	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Tây Ninh
1914	19307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Thái Nguyên
1915	01307004	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Thăng Long
1916	38307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Thanh Hoá
1917	31307003	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Thuỷ Nguyên
1918	82307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Tiền Giang
1919	84307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Trà Vinh
1920	86307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Vĩnh Long
1921	26307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Vĩnh Phúc
1922	77307001	Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB Bank	Vũng Tàu
1923	79308001	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Tất cả (All branches)
1924	79308011	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	3 tháng 2
1925	89308001	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	An Giang
1926	79308009	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Ba Chieu TP Hồ Chí Minh
1927	01308006	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	BA DINH HN
1928	95308001	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Bạc Liêu
1929	79308005	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Binh Chanh TP Hồ Chí Minh
1930	74308001	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Bình Dương
1931	79308008	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Bình Hòa
1932	60308001	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Bình Thuận
1933	96308001	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Cà Mau
1934	92308001	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Can Tho
1935	01308003	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Cầu Giấy
1936	79308002	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Cho Lon TP.TP Hồ Chí Minh
1937	48308001	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Da nang
1938	66308001	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	ĐăkLăk
1939	01308004	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Dong da HN
1940	75308001	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Đồng Nai
1941	01308001	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Ha Noi
1942	31308001	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Hai phong
1943	01308005	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Hoan Kiem
1944	46308001	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Huế
1945	79308012	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Khánh Hội
1946	10308001	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Lào Cai
1947	01308002	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Long Biên
1948	79308004	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Quận 7
1949	22308001	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Quảng Ninh
1950	94308001	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Sóc Trăng
1951	79308010	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Tan Binh TP Hồ Chí Minh
1952	79308003	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Tan Dinh TP Hồ Chí Minh
1953	79308007	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Tân Phú
1954	79308006	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Thai Binh TP Hồ Chí Minh
1955	92308002	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Thot Not CT
1956	82308001	Ngân hàng TMCP Sài gòn Công thương	Saigon Bank	Tiền Giang
1957	01309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Tất cả (All branches)
1958	89309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	An Giang
1959	24309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Bắc Giang
1960	27309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Bắc Ninh
1961	79309011	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Bến Thành
1962	52309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Bình định
1963	74309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Bình Dương
1964	70309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Bình Phước
1965	60309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Bình Thuận
1966	96309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Cà Mau
1967	92309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Can Tho
1968	79309009	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Cộng Hòa
1969	68309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Đà Lạt
1970	48309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Da Nang
1971	66309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Đắk Lắk
1972	01309003	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Đông Đô
1973	75309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	đồng nai
1974	87309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Đồng Tháp
1975	79309010	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Gia Định
1976	64309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Gia Lai
1977	79309007	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Gò Vấp
1978	35309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Hà Nam
1979	01309009	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Hà Nội
1980	42309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Hà Tĩnh
1981	30309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Hải dương
1982	17309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Hòa Bình
1983	79309014	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Hóc Môn
1984	46309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Huế
1985	33309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Hưng Yên
1986	91309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Kiên Giang
1987	01309008	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Kinh Đô
1988	20309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Lạng Sơn
1989	10309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Lào Cai

1990	80309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Long An
1991	36309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Nam định
1992	40309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Nghệ An
1993	01309004	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Ngô Quyền
1994	56309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Nha Trang
1995	37309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Ninh Bình
1996	25309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Phú Thọ
1997	22309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Qninh
1998	79309013	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Quận 11
1999	79309008	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Quận 2
2000	44309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Quảng Bình
2001	49309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Quảng Nam
2002	45309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Quảng Trị
2003	79309006	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Sai gon
2004	01309012	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Sở Giao dịch
2005	72309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Tây Ninh
2006	34309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Thái Bình
2007	19309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Thái Nguyên
2008	01309010	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Thăng Long
2009	38309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Thanh Hóa
2010	01309014	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Thường Tín
2011	82309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Tiền Giang
2012	31309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	TP Hai Phong
2013	79309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	TP Hồ Chí Minh
2014	01309013	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Trần Hưng Đạo
2015	79309012	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Trung Sơn
2016	86309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Vĩnh Long
2017	26309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	vĩnh phúc
2018	77309001	Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	VP Bank	Vũng Tàu
2019	01310001	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Techcombank	Tất cả (All branches)
2020	01310012	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Techcombank	Hà Thành
2021	01310005	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Techcombank	Hoàn Kiếm
2022	31310002	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Techcombank	Hồng Bàng
2023	79310009	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Techcombank	Phú Nhuận
2024	91310002	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Techcombank	Phú Quốc
2025	79310008	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Techcombank	Quận 5
2026	79310010	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Techcombank	Thủ Đức
2027	79310001	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Techcombank	TP Hồ Chí Minh
2028	01311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Tất cả (All branches)
2029	89311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	An Giang
2030	79311003	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	An Phu TP Hồ Chí Minh
2031	01311033	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Ba Đình
2032	77311002	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Bà Rịa
2033	24311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Bắc Giang
2034	31311003	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Bắc Hải Phòng
2035	95311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Bạc Liêu
2036	27311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Bắc Ninh
2037	79311002	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Bắc Sài Gòn
2038	68311002	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Bảo Lộc
2039	83311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Bến Tre
2040	79311021	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Bình Chánh
2041	52311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Bình Định
2042	74311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Bình Dương
2043	70311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Bình Phước
2044	60311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Bình Thuận
2045	96311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Cà Mau
2046	56311002	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Cam Ranh
2047	92311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Can Tho
2048	79311025	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Củ Chi
2049	48311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Da Nang
2050	66311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Đắc Lắk
2051	11311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Điện Biên
2052	01311002	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Điện Biên Phủ
2053	01311035	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Đông Anh
2054	01311004	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Đống Đa
2055	75311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Đồng Nai
2056	79311004	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Đông Sài Gòn
2057	87311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Đồng Tháp
2058	79311006	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Gia Định
2059	64311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Gia Lai
2060	01311037	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Gia Lâm
2061	35311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Hà Nam
2062	42311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Hà Tĩnh
2063	01311007	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Hai Bà Trưng
2064	30311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Hải Dương
2065	31311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Hai Phong
2066	17311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Hòa Bình
2067	01311039	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Hoài Đức
2068	01311013	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Hoàn Kiếm
2069	01311009	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Hoàng Quốc Việt
2070	79311022	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Hóc Môn
2071	46311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	huế
2072	33311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Hưng Yên
2073	56311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Khánh Hòa
2074	91311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Kiên Giang
2075	68311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Lâm Đồng
2076	20311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Lạng Sơn
2077	10311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Lào Cai
2078	80311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Long An
2079	01311008	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Long Bien
2080	75311003	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Long Khánh
2081	75311004	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Long Thành
2082	22311004	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Móng Cái
2083	01311014	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Mỹ Đình
2084	74311003	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Nam Bình Dương

2085	48311002	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Nam Đà Nẵng
2086	36311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Nam Định
2087	31311002	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Nam Hải Phòng
2088	79311018	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Nam Sài Gòn
2089	40311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Nghệ An
2090	79311024	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Nhà Bè
2091	37311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Ninh Bình
2092	58311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Ninh Thuận
2093	79311020	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Phú Nhuận
2094	91311002	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Phú Quốc
2095	79311026	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Phú Xuân
2096	54311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Phú Yên
2097	79311007	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Quận 5
2098	44311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Quảng Bình
2099	49311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Quảng Nam
2100	51311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Quảng Ngãi
2101	22311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Quảng Ninh
2102	45311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Quảng Trị
2103	79311005	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Sài Gòn
2104	01311003	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Sở giao dịch 1
2105	79311019	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Sở giao dịch 2
2106	01311038	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Sở Giao Dịch 3
2107	94311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Sóc Trăng
2108	14311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Sơn La
2109	01311034	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Sơn Tây
2110	79311023	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Tân Tạo
2111	92311002	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Tây Đô
2112	01311012	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Tây Hà Nội
2113	01311011	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Tây Hồ
2114	72311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Tây Ninh
2115	34311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Thái Bình
2116	19311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Thái Nguyên
2117	01311006	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Thăng Long
2118	38311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Thanh Hóa
2119	01311036	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Thanh Trì
2120	01311005	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Thanh Xuân
2121	82311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Tiền Giang
2122	79311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	TP Hồ Chí Minh
2123	84311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Trà Vinh
2124	01311010	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Trần Duy Hưng
2125	08311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Tuyên Quang
2126	22311005	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Uông Bí
2127	25311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Việt trì
2128	79311027	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Vĩnh Lộc
2129	86311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Vĩnh Long
2130	26311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Vĩnh Phúc
2131	77311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	vũng tàu
2132	15311001	Ngân hàng TMCP Quân Đội	MB Bank	Yên Bái
2133	40313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Tất cả (All branches)
2134	89313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	An Giang
2135	24313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Bắc Giang
2136	27313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Bắc Ninh
2137	79313003	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Bắc Sài Gòn
2138	52313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Bình Định
2139	74313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Bình Dương
2140	60313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Bình Thuận
2141	92313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Cần Thơ
2142	01313006	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Cầu Giấy
2143	01313007	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	CN Kim Liên
2144	68313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Đà Lạt
2145	48313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Đà Nẵng
2146	66313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Đăk Lăk
2147	01313009	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Đông Anh
2148	75313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Đồng Nai
2149	87313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Đồng Tháp
2150	01313008	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Gia Lâm
2151	02313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Hà Giang
2152	35313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Hà Nam
2153	01313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Ha noi
2154	01313004	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Hà Thành
2155	42313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Hà Tĩnh

2156	30313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Hải Dương
2157	31313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Hải Phòng
2158	01313003	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Hàng Đậu
2159	17313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Hòa Bình
2160	01313011	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Hoài Đức
2161	33313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Hưng Yên
2162	56313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Khánh Hòa
2163	91313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Kiên Giang
2164	20313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Lạng Sơn
2165	10313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Lào Cai
2166	80313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Long An
2167	36313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Nam Định
2168	37313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Ninh Bình
2169	79313002	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Phan Đăng Lưu
2170	54313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Phú Yên
2171	44313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Quảng Bình
2172	22313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Quảng Ninh
2173	34313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Thái Bình
2174	01313002	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Thái Hà
2175	19313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Thái Nguyên
2176	01313005	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Thăng Long
2177	38313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Thanh hóa
2178	01313010	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Thanh Trì
2179	46313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Thừa Thiên Huế
2180	79313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	TP Hồ Chí Minh
2181	40313002	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	TP Vinh
2182	26313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Vĩnh Phúc
2183	77313001	Ngân hàng TMCP Bắc Á	North Asia Commercial Joint - Stock Bank	Vũng Tàu
2184	79314013	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Tất cả (All branches)
2185	89314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	An Giang
2186	01314005	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Ba Đình
2187	74314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Bình Dương
2188	79314006	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Bình Thạnh
2189	96314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Cà Mau
2190	22314002	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Cẩm Phả
2191	92314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Can Tho
2192	01314003	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Cầu Giấy
2193	48314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Da Nang
2194	66314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	ĐăkLăk
2195	01314004	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Đống Đa
2196	75314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	đồng nai
2197	87314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Đồng Tháp
2198	79314007	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Gò Vấp
2199	01314010	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Hà Đông
2200	01314002	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Ha Noi
2201	01314009	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Hai Bà Trưng
2202	30314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	hải dương
2203	31314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Hai Phong
2204	31314002	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Hồng Bàng
2205	46314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	huế
2206	91314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Kiên Giang
2207	68314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Lâm Đồng
2208	01314008	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Long Biên
2209	01314011	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Lý Thường Kiệt
2210	56314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Nha Trang
2211	79314005	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Phú Nhuận
2212	79314009	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Quận 10
2213	79314010	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Quận 11
2214	79314003	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Quận 2
2215	79314008	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Quận 5
2216	51314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Quảng Ngãi
2217	22314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Quảng Ninh
2218	52314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Quy Nhơn
2219	79314002	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Sài Gòn
2220	01314007	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Sở Giao dịch
2221	79314004	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Tân Bình
2222	72314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Tây Ninh

2223	34314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Thái Bình
2224	19314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Thái Nguyên
2225	79314011	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Thành Đô
2226	38314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	thanh hóa
2227	48314002	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Thanh Khê
2228	79314012	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Tôn Đức Thắng
2229	79314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	TP Hồ Chí Minh
2230	01314006	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Trung Hòa
2231	25314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Việt Trì
2232	40314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	Vinh
2233	26314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	vĩnh phúc
2234	77314001	Ngân hàng TMCP Quốc tê Việt Nam	Vietnam International Bank	vũng tàu
2235	01317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Tất cả (All branches)
2236	89317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	An Giang
2237	27317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	bắc ninh
2238	52317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Bình Định
2239	74317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Bình Dương
2240	96317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Cà Mau
2241	92317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Can Tho
2242	01317005	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Cầu Giấy
2243	79317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Chợ Lớn
2244	35317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	CN Hà Nam
2245	48317002	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	CN Lê Duẩn
2246	80317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	CN Long An
2247	49317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	CN Quảng Nam
2248	34317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	CN Thái Bình
2249	48317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Da nang
2250	01317004	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Đại An
2251	66317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Đăk Lăk
2252	01317006	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Đống Đa
2253	75317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Đồng Nai
2254	01317008	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Hà Đông
2255	01317002	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Hà Nội
2256	42317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Hà Tĩnh
2257	31317002	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Hải An
2258	30317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	hải dương
2259	31317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Hai Phong
2260	46317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Huế
2261	91317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Kiên Giang
2262	01317003	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Lang Ha HN
2263	01317010	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Long Biên
2264	40317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Nghệ An
2265	79317005	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Nhà Bè
2266	56317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Nha Trang
2267	51317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Quảng Ngãi
2268	22317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Quảng Ninh
2269	01317009	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Sở Giao dịch
2270	79317003	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Tân Bình
2271	79317004	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Tân Phú
2272	79317006	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Tân Thành
2273	19317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Thái Nguyên
2274	38317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Thanh Hóa
2275	01317007	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Thanh Xuân
2276	82317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Tiền Giang
2277	79317002	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	TP Hồ Chí Minh
2278	26317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	Vĩnh Phúc
2279	77317001	Ngân hàng TMCP Dong Nam A	South East Asia Bank	vũng tàu
2280	01319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Tất cả (All branches)
2281	24319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Bắc Giang
2282	74319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Bình Dương
2283	96319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Cà Mau
2284	92319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Cần Thơ
2285	48319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Da Nang
2286	75319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Đồng Nai
2287	42319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Hà Tĩnh
2288	30319002	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Hải Dương
2289	31319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Hải Phòng
2290	30319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Hội sở chính
2291	56319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Nha Trang
2292	51319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Quảng Ngãi
2293	22319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Quảng Ninh
2294	52319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Quy Nhơn
2295	79319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Sai Gon
2296	34319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Thái Bình
2297	01319002	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Thăng Long
2298	38319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Thanh Hóa
2299	79319002	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	TP Hồ Chí Minh
2300	40319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Vinh
2301	77319001	Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương	Ocean Bank	Vũng Tàu
2302	01320001	Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	Global Petrolimex Bank(GP)	Tất cả (All branches)
2303	74320001	Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	Global Petrolimex Bank(GP)	Bình Dương
2304	48320001	Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	Global Petrolimex Bank(GP)	Đà Nẵng
2305	64320001	Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	Global Petrolimex Bank(GP)	Gia Lai
2306	31320001	Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	Global Petrolimex Bank(GP)	Hải Phòng
2307	01320002	Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	Global Petrolimex Bank(GP)	Hoàn Kiếm
2308	40320001	Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	Global Petrolimex Bank(GP)	Nghệ An
2309	37320001	Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	Global Petrolimex Bank(GP)	Ninh Bình
2310	22320001	Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	Global Petrolimex Bank(GP)	Quảng Ninh
2311	79320002	Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	Global Petrolimex Bank(GP)	Sài Gòn
2312	01320005	Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	Global Petrolimex Bank(GP)	SGD Hà Nội
2313	79320001	Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	Global Petrolimex Bank(GP)	Tất cả (All branches)
2314	01320004	Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	Global Petrolimex Bank(GP)	Thăng Long
2315	77320001	Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	Global Petrolimex Bank(GP)	vũng tàu
2316	79321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Tất cả (All branches)

2317	89321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	An Giang
2318	01321003	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Ba Đình
2319	24321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Bắc Giang
2320	06321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Bắc Kạn, TP Hồ Chí Minh
2321	27321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Bắc Ninh
2322	83321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Bến Tre
2323	52321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Bình Định
2324	74321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Bình Dương
2325	70321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Bình Phước
2326	60321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Bình Thuận
2327	96321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Cà Mau
2328	92321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Cần Thơ
2329	95321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	CN Bạc Liêu
2330	04321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	CN Cao Bằng
2331	11321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	CN Điện Biên
2332	35321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	CN Hà Nam
2333	12321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	CN Lai Châu
2334	58321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	CN Ninh Thuận
2335	25321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	CN Phú Thọ
2336	45321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	CN Quảng Trị
2337	14321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	CN Sơn La
2338	84321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	CN Trà Vinh
2339	08321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	CN Tuyên Quang
2340	15321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	CN Yên Bái
2341	79321006	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Cộng Hòa
2342	48321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Đà Nẵng
2343	66321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Đăk Lăk
2344	67321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Đăk Nông
2345	75321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Đồng Nai
2346	87321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Đồng Tháp
2347	79321011	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Gia Định
2348	64321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Gia Lai
2349	01321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Ha noi
2350	42321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Hà Tĩnh
2351	30321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Hải Dương
2352	31321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Hải Phòng
2353	79321012	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Hàng Xanh
2354	93321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Hậu Giang
2355	79321007	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Hiệp Phú
2356	01321005	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Hồ Gươm
2357	75321006	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Hố Nai
2358	17321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Hòa Bình
2359	01321002	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Hoàn Kiếm
2360	46321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Huế
2361	01321004	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Hùng Vương
2362	33321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Hưng Yên
2363	91321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Kiên Giang

2364	62321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Kon Tum
2365	68321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Lâm Đồng
2366	20321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Lạng Sơn
2367	79321003	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Lãnh Binh Thăng
2368	10321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Lào Cai
2369	80321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Long An
2370	36321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Nam Định
2371	40321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Nghệ An
2372	79321010	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Nguyễn Đình Chiểu
2373	79321004	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Nguyễn Trãi
2374	56321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Nha Trang
2375	37321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Ninh Bình
2376	31321002	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	PGD Hải Đăng
2377	77321002	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	PGD Lê Hồng Phong
2378	75321004	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	PGD Quang Vinh
2379	74321002	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	PGD Thủ Dầu Một
2380	40321002	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	PGD Vinh
2381	79321002	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Phú Nhuận
2382	91321002	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Phú Quốc
2383	54321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Phú Yên
2384	44321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Quảng Bình
2385	49321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Quảng Nam
2386	51321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Quảng Ngãi
2387	22321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Quảng Ninh
2388	79321009	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Sài Gòn
2389	75321002	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	SGD Đồng Nai
2390	94321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Sóc Trăng
2391	75321003	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Tam Hiệp
2392	74321003	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Tân Uyên, TP Hồ Chí Minh
2393	72321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Tây Ninh
2394	34321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Thái Bình
2395	19321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Thái Nguyên
2396	38321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Thanh Hóa
2397	82321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Tiền Giang
2398	79321008	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	TP Hồ Chí Minh
2399	75321005	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Trảng Bom
2400	79321005	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Vạn Hạnh
2401	86321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Vĩnh Long
2402	26321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Vĩnh Phúc
2403	77321001	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Vũng Tàu
2404	75321007	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	Ho Chi MiNgân hàng Development Bank	Xuân Hòa
2405	01323002	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Tất cả (All branches)
2406	89323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	An Giang
2407	77323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	bà rịa VT
2408	95323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Bạc Liêu
2409	27323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Bắc Ninh
2410	74323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Bình Dương
2411	70323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Bình Phước
2412	60323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Bình Thuận
2413	92323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Can Tho
2414	48323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Da Nang
2415	11323002	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Điện Biên
2416	75323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Đồng Nai
2417	87323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Đồng Tháp

2418	64323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Gia Lai
2419	01323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Hà Nội
2420	31323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Hải Phòng
2421	56323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Khánh Hòa
2422	91323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Kiên Giang
2423	20323002	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Lạng Sơn
2424	80323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Long An
2425	33323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Mỹ Hưng Yên
2426	40323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Nghệ An
2427	49323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Quảng Nam
2428	22323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Quảng Ninh
2429	79323002	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Sài Gòn
2430	79323003	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Sở Giao dịch
2431	94323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Sóc Trăng
2432	14323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Sơn La
2433	72323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Tây Ninh
2434	34323002	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Thái Bình
2435	19323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Thái Nguyên
2436	38323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Thanh Hóa
2437	46323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Thừa Thiên Huế
2438	82323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Tiền Giang
2439	86323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Vĩnh Long
2440	26323001	Ngân hàng TMCP An Bình	An BiNgân hàng Bank	Vĩnh Phúc
2441	79327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Tất cả (All branches)
2442	89327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	An Giang
2443	27327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Bắc Ninh
2444	74327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Bình Dương
2445	66327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Buôn Ma Thuột
2446	96327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Cà Mau
2447	92327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Can Tho
2448	48327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Đà Nẵng
2449	75327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Đồng Nai
2450	79327003	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Gia Định
2451	64327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Gia Lai
2452	01327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Hà Nội
2453	31327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Hải Phòng
2454	91327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Kiên Giang
2455	80327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Long An
2456	40327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Nghệ An
2457	56327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Nha Trang
2458	60327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Phan Thiết
2459	22327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Quảng Ninh
2460	79327002	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Sài Gòn
2461	94327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Sóc Trăng
2462	72327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Tây Ninh
2463	01327002	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Thăng Long
2464	82327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Tiền Giang
2465	79327004	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	TP Hồ Chí Minh
2466	77327001	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Vietcapital Bank	Vũng Tàu
2467	79333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Tất cả (All branches)
2468	89333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	An Giang
2469	77333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Bà Rịa Vũng Tàu
2470	95333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Bạc Liêu
2471	27333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Bắc Ninh
2472	79333006	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Bến Thành
2473	74333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Bình Dương
2474	96333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Cà mau
2475	92333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Cần Thơ
2476	79333004	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Chợ Lớn
2477	52333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	CN Bình Định
2478	01333004	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	CN Cầu Giấy
2479	01333003	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	CN Long Biên
2480	72333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	CN Tây Ninh
2481	26333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	CN Vĩnh Phúc
2482	66333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	ĐăkLăk
2483	75333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	đồng nai
2484	87333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Đồng Tháp
2485	79333003	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Gia Định
2486	01333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Ha noi
2487	31333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Hải Phòng
2488	93333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Hòa An
2489	56333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Khánh Hòa
2490	91333002	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Kiên Giang
2491	20333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Lạng Sơn
2492	80333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Long An
2493	40333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Nghệ An
2494	37333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Ninh Bình
2495	91333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	PGD Kiên Giang
2496	79333005	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Phú Lâm
2497	79333002	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Phú Nhuận
2498	64333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Pleiku
2499	79333010	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Quận 4
2500	49333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Quảng Nam
2501	51333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Quảng Ngãi
2502	22333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Quảng Ninh
2503	79333009	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Sở giao dịch
2504	94333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Sóc Trăng
2505	79333011	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Tân Bình
2506	79333008	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Tân Thuận
2507	19333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Thái Nguyên
2508	01333002	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Thăng Long
2509	38333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Thanh Hóa
2510	79333007	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Thủ Đức
2511	48333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Trung Viet
2512	86333001	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Orient Commercial Bank	Vĩnh Long

2513	79334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Tất cả (All branches)
2514	79334008	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	20-Oct
2515	89334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	An Giang
2516	77334002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Bà Rịa - Vũng Tàu
2517	27334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Bắc Ninh
2518	79334018	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Bến Thành
2519	83334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Bến Tre
2520	52334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Bình định
2521	74334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Bình Dương
2522	79334017	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Bình Tây
2523	60334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Bình Thuận
2524	96334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Cà Mau
2525	80334002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Cần Giuộc
2526	92334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Can Tho
2527	01334002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Cầu Giấy
2528	79334003	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Chợ Lớn
2529	79334002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Cống Quỳnh
2530	79334010	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Củ Chi
2531	48334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Da Nang
2532	66334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Daklak
2533	75334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Đồng Nai
2534	79334013	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Đông Sài Gòn
2535	87334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	đồng tháp
2536	79334005	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Gia Định
2537	64334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Gia Lai
2538	01334004	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Hà Nội
2539	01334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Hai Bà Trưng
2540	30334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Hải Dương
2541	31334002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Hải Phòng
2542	79334004	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Hóc Môn
2543	31334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Hồng Bàng
2544	56334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Khánh Hòa
2545	91334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Kiên Giang
2546	80334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Long An
2547	40334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Nghệ An
2548	79334016	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Phạm Ngọc Thạch
2549	79334015	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Phú Đông
2550	22334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Quảng Ninh
2551	79334014	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Sài Gòn
2552	48334002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Sông Hàn
2553	79334006	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Tân Bình
2554	79334007	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Tân Định
2555	79334012	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Tân Phú
2556	34334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Thái Bình
2557	01334003	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Thăng Long
2558	38334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Thanh Hóa
2559	79334011	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Thống Nhất
2560	82334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Tiền Giang
2561	84334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Trà Vinh
2562	86334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	Vĩnh Long
2563	77334001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn	Sai Gon Commercial Bank	vũng tàu
2564	89339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	An Giang
2565	83339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Bến Tre
2566	74339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Bình Dương
2567	60339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Bình Thuận
2568	96339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Cà Mau
2569	92339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Cần Thơ
2570	48339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Đà Nẵng
2571	75339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Đồng Nai
2572	87339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Đồng Tháp
2573	01339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Ha Noi
2574	93339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Hậu Giang
2575	80339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Hội sở chính
2576	91339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Kiên Giang
2577	80339002	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Long An
2578	56339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Nha Trang
2579	80339003	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Rạch Kiến
2580	79339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Sai Gon
2581	79339002	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Tất cả (All branches)
2582	82339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Tiền Giang
2583	84339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Trà Vinh
2584	86339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Vĩnh Long
2585	77339001	Ngân hàng TM MTV Xây Dựng Việt Nam	Construction Bank - CB	Vũng Tàu
2586	01341001	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Petrolimex Group Bank (PG Bank)	Tất cả (All branches)
2587	89341001	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Petrolimex Group Bank (PG Bank)	An Giang
2588	77341001	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Petrolimex Group Bank (PG Bank)	Bà Rịa VT
2589	27341001	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Petrolimex Group Bank (PG Bank)	Bắc Ninh
2590	74341001	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Petrolimex Group Bank (PG Bank)	Bình Dương
2591	92341001	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Petrolimex Group Bank (PG Bank)	Can Tho
2592	48341001	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Petrolimex Group Bank (PG Bank)	Da Nang
2593	75341001	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Petrolimex Group Bank (PG Bank)	Đồng Nai
2594	87341001	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Petrolimex Group Bank (PG Bank)	Đồng Tháp
2595	30341001	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Petrolimex Group Bank (PG Bank)	Hải Dương
2596	31341001	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Petrolimex Group Bank (PG Bank)	Hải Phòng
2597	01341003	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Petrolimex Group Bank (PG Bank)	Hội sở chính
2598	56341001	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Petrolimex Group Bank (PG Bank)	Khánh Hòa
2599	80341001	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Petrolimex Group Bank (PG Bank)	Long An
2600	22341001	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Petrolimex Group Bank (PG Bank)	Quảng Ninh
2601	79341001	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Petrolimex Group Bank (PG Bank)	Sai gon
2602	01341002	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	Petrolimex Group Bank (PG Bank)	Thăng Long
2603	01348002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Tất cả (All branches)
2604	89348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	AN Giang
2605	01348009	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Ba Đình
2606	24348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Bắc Giang, Hà Nội
2607	27348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Bắc Ninh

2608	83348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Bến Tre, Hà Nội
2609	52348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Bình Định
2610	74348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Bình Dương
2611	70348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Bình Phước
2612	60348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Bình Thuận
2613	96348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Cà Mau
2614	92348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Can Tho
2615	48348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Đà Nẵng
2616	66348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Đăk Lăk
2617	75348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Đồng Nai
2618	87348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Đồng Tháp
2619	64348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Gia Lai
2620	01348007	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Hà Đông
2621	35348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Hà Nam
2622	01348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Ha noi
2623	01348004	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Hà Thành
2624	42348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Hà Tĩnh
2625	30348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Hải Dương
2626	31348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Hải Phòng
2627	01348012	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Hàm Long
2628	01348013	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Hàn Thuyên
2629	01348010	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Hàng Trống
2630	01348008	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Hoàn Kiếm
2631	46348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Huế
2632	33348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Hưng Yên
2633	56348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Khánh Hòa
2634	91348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Kiên Giang
2635	27348002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Kinh Bắc
2636	01348006	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Kinh Đô
2637	68348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Lâm Đồng
2638	20348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Lạng Sơn
2639	10348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Lào Cai
2640	80348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Long An
2641	36348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Nam Định
2642	40348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Nghệ An
2643	37348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Ninh Bình
2644	79348002	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Phú Nhuận
2645	25348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Phú Thọ, Hà Nội
2646	44348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Quảng Bình, Hà Nội
2647	49348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Quảng Nam
2648	51348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Quãng Ngãi
2649	22348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Quảng Ninh
2650	45348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Quảng Trị, Hà Nội
2651	79348003	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Sài Gòn
2652	94348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Sóc Trăng
2653	14348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Sơn La
2654	01348011	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Tây Hà Nội
2655	72348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Tây Ninh
2656	34348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Thái Bình
2657	19348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Thái Nguyên
2658	01348003	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Thăng Long
2659	38348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Thanh Hóa
2660	82348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Tiền Giang
2661	79348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	TP Hồ Chí Minh
2662	08348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Tuyên Quang
2663	01348005	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Vạn Phúc
2664	86348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Vĩnh Long
2665	26348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Vĩnh Phúc
2666	77348001	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	Saigon Hanoi Bank	Vũng Tàu
2667	01352002	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Tất cả (All branches)
2668	89352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	An Giang
2669	77352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Bà Rịa - Vũng Tàu
2670	24352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Bắc Giang
2671	95352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Bạc Liêu
2672	27352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Bắc Ninh
2673	74352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Bình Dương
2674	96352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Cà Mau
2675	92352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Cần Thơ
2676	48352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Đà Nẵng
2677	75352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Đồng Nai
2678	87352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Đồng Tháp
2679	01352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Hà Nội
2680	31352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Hải Phòng
2681	93352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Hậu Giang
2682	33352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Hưng Yên
2683	91352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Kiên Giang
2684	80352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Long An
2685	34352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	PGD số 9 (Thái Bình)
2686	22352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Quảng Ninh
2687	79352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Sài Gòn
2688	34352002	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Thái Bình
2689	19352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Thái Nguyên
2690	46352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Thừa Thiên Huế
2691	82352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Tiền Giang
2692	86352001	Ngân hàng TMCP Quốc Dân	National Citizen Bank	Vĩnh Long
2693	89353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	An Giang
2694	95353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Bạc Liêu
2695	83353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Bến Tre
2696	52353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Bình Định
2697	74353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Bình Dương
2698	96353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Cà Mau
2699	79353003	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Cần Giờ
2700	92353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Cần Thơ
2701	48353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Đà Nẵng
2702	66353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	ĐăkLăk

2703	75353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Đồng Nai
2704	87353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Đồng Tháp
2705	01353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Hà Nội
2706	31353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Hải Phòng
2707	93353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Hậu Giang
2708	91353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Hội sở
2709	56353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Khánh Hòa
2710	68353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Lâm Đồng
2711	80353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Long An
2712	79353002	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Nhà Bè
2713	91353002	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	PGD Bến Nhứt
2714	91353004	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Phú Quốc
2715	54353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Phú Yên
2716	49353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Quảng Nam
2717	91353003	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Rạch Giá
2718	94353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Sóc Trăng
2719	79353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Tất cả (All branches)
2720	72353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Tây Ninh
2721	82353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Tiền Giang
2722	84353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Trà Vinh
2723	86353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Vĩnh Long
2724	77353001	Ngân hàng TMCP Kiên Long	KienLong Bank	Vũng Tàu
2725	01355002	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Tất cả (All branches)
2726	89355001	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	An Giang
2727	95355001	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Bạc Liêu
2728	27355001	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Bắc Ninh
2729	66355001	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Buôn Ma Thuột
2730	92355001	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Can Tho
2731	79355004	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Chợ Lớn
2732	48355001	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Da Nang
2733	75355001	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Đồng Nai
2734	01355004	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Ha Dong
2735	01355001	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Ha Noi
2736	31355001	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Hải Phòng
2737	01355005	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Hoàng Mai
2738	49355001	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Hội An
2739	79355006	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	huyện Củ Chi
2740	74355001	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	PGD Bình Dương
2741	60355001	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Phan Thiết
2742	51355001	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Quảng Ngãi
2743	22355001	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Quảng ninh
2744	52355001	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Quy Nhơn
2745	79355005	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Sài Gòn
2746	01355003	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	Thang Long
2747	79355007	Ngân hàng TMCP Việt Á	VietA Bank	TP Hồ Chí Minh
2748	79356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	Tất cả (All branches)
2749	89356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	An Giang
2750	77356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	Bà Rịa - Vũng Tàu
2751	79356004	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	Bắc Sài Gòn
2752	74356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	Bình Dương
2753	92356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	Cần Thơ
2754	79356002	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	Chợ Lớn
2755	52356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	CN Bình Định
2756	87356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	CN Đồng Tháp
2757	91356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	CN Kiên Giang
2758	49356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	CN Quảng Nam
2759	22356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	CN Quảng Ninh
2760	48356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	Đà Nẵng
2761	66356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	Đắk Lắk
2762	75356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	Đồng Nai
2763	31356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	Hải Phòng
2764	94356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	HSC
2765	56356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	Khánh Hòa
2766	80356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	Long An
2767	40356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	Nghệ An
2768	51356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	Quảng Ngãi
2769	79356003	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	Sài Gòn
2770	01356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	SGD Hà Nội
2771	94356002	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	SGD Sóc Trăng
2772	79356005	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	Tây Sài Gòn
2773	26356001	Ngân hàng TMCP Việt Nam thương tín	Viet Bank	Vĩnh Phúc
2774	01357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Tất cả (All branches)
2775	89357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	An Giang
2776	01357007	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Ba Vì
2777	24357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Bắc Giang
2778	06357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Bắc Kạn
2779	95357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Bạc Liêu
2780	27357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Bắc Ninh
2781	83357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Bến Tre
2782	52357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Bình Định
2783	74357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Bình Dương
2784	70357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Bình Phước
2785	60357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Bình Thuận
2786	96357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Cà Mau
2787	92357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Cần Thơ
2788	04357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Cao Bằng
2789	79357003	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Chợ Lớn
2790	79357005	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Củ Chi
2791	48357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Đà Nẵng
2792	66357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Đắk Lắk
2793	67357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Đắk Nông
2794	11357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Điện Biên
2795	01357010	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Đông Anh
2796	01357002	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Đông Đô
2797	75357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Đồng Nai

2798	87357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Đồng Tháp
2799	64357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Gia Lai
2800	01357008	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Gia Lâm
2801	02357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Hà Giang
2802	35357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Hà Nam
2803	42357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Hà Tĩnh
2804	30357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Hải Dương
2805	31357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Hải Phòng
2806	17357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Hòa Bình
2807	52357002	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Hoài Nhơn
2808	01357005	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Hội Sở Chính
2809	46357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Huế
2810	33357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Hưng Yên
2811	56357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Khánh Hòa
2812	91357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Kiên Giang
2813	62357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Kon Tum
2814	12357002	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Lai Châu
2815	68357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Lâm Đồng
2816	20357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Lạng Sơn
2817	10357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Lào Cai
2818	80357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Long An
2819	14357002	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Mộc Châu
2820	36357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Nam Định
2821	40357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Nghệ An
2822	79357006	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Nhà Bè
2823	37357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Ninh Bình
2824	58357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Ninh Thuận
2825	25357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Phú Thọ
2826	54357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Phú Yên
2827	44357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Quảng Bình
2828	49357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Quảng Nam
2829	51357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Quảng Ngãi
2830	22357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Quảng Ninh
2831	45357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Quảng Trị
2832	94357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Sóc Trăng
2833	14357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Sơn La
2834	01357011	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Sơn Tây
2835	79357002	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Tân Bình
2836	01357004	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Tây Hồ
2837	40357002	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Tây Nghệ An
2838	72357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Tây Ninh
2839	34357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Thái Bình
2840	19357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Thái Nguyên
2841	01357003	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Thăng Long
2842	38357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Thanh Hóa
2843	01357009	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Thường Tín
2844	82357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Tiền Giang
2845	79357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	TP Hồ Chí Minh
2846	84357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Trà Vinh
2847	08357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Tuyên Quang
2848	24357002	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Việt Yên
2849	86357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Vĩnh Long
2850	26357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Vĩnh Phúc
2851	77357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Vũng Tàu
2852	01357006	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Xuân Mai
2853	15357001	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	LienVietPost Bank	Yên Bái
2854	01358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Tất cả (All branches)
2855	89358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	An Giang
2856	27358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Bắc Ninh
2857	79358003	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Bến Thành
2858	79358007	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Bình Chánh
2859	74358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Bình Dương
2860	92358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Cần Thơ
2861	79358005	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Cửu Long
2862	48358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Đà Nẵng
2863	66358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Đắk Lắk
2864	75358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Đồng Nai
2865	01358002	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Hà Nội
2866	31358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Hải Phòng
2867	01358003	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Hoàn Kiếm
2868	79358006	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Hóc Môn
2869	79358004	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Hùng Vương
2870	91358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Kiên Giang
2871	10358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Lào Cai
2872	36358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Nam Định
2873	40358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Nghệ An
2874	56358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Nha Trang
2875	79358010	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Quận 2
2876	79358009	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Quận I
2877	49358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Quảng Nam
2878	79358002	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Sài Gòn
2879	01358006	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Tây Hà Nội
2880	19358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Thái Nguyên
2881	01358004	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Thăng Long
2882	01358005	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Thành Đô
2883	38358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Thanh Hóa
2884	01358008	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Thanh Xuân
2885	79358008	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Thủ Đức
2886	82358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	Tiền Giang
2887	79358001	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Tien Phong Bank	TP Hồ Chí Minh
2888	01359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Tất cả (All branches)
2889	27359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Bắc Ninh
2890	52359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Bình Định
2891	74359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Bình Dương
2892	92359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Cần Thơ

2893	01359004	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Cầu Giấy
2894	48359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Đà Nẵng
2895	66359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Đăk Lăk
2896	75359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Đồng Nai
2897	64359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Gia Lai
2898	01359003	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Hà Nội
2899	31359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Hải Phòng
2900	56359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Khánh Hòa
2901	91359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Kiên Giang
2902	10359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Lào Cai
2903	79359004	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Nam Sài Gòn
2904	40359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Nghệ An
2905	22359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Quảng Ninh
2906	79359002	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Sài Gòn
2907	01359002	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Sở Giao dịch
2908	19359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Thái Nguyên
2909	38359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	Thanh Hóa
2910	79359001	Ngân hàng TMCP Bảo Việt	Bao Viet Bank	TP Hồ Chí Minh
2911	01360002	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Tất cả (All branches)
2912	89360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	An Giang
2913	77360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Bà Rịa - Vũng Tàu
2914	27360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Bắc Ninh
2915	79360004	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Bến Thành
2916	74360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Bình Dương
2917	96360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Cà Mau
2918	92360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Cần Thơ
2919	68360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Đà Lạt
2920	48360002	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Đà Nẵng
2921	01360006	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Đống Đa
2922	01360005	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Đông Đô
2923	79360005	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Đồng Khởi
2924	75360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Đồng Nai
2925	87360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Đồng Tháp
2926	01360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Hà Nội
2927	01360004	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Hai Bà Trưng
2928	31360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Hải Phòng
2929	93360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Hậu Giang
2930	46360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Huế
2931	56360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Khánh Hòa
2932	91360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Kiên Giang
2933	80360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Long An
2934	36360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Nam Định
2935	40360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Nghệ An
2936	49360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Quảng Nam
2937	51360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Quảng Ngãi
2938	22360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Quảng Ninh
2939	52360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Quy Nhơn
2940	79360002	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Sài Gòn
2941	79360003	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Sài Gòn - Gia Định
2942	48360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Sông Hàn
2943	92360002	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Tây Đô
2944	72360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Tây Ninh
2945	34360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Thái Bình
2946	01360003	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Thăng Long
2947	38360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Thanh Hóa
2948	79360006	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Thủ Thiêm
2949	82360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Tiền Giang
2950	79360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	TP Hồ Chí Minh
2951	86360001	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Vĩnh Long
2952	77360002	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Public Vietnam Commercial Bank	Vũng Tàu
2953	01401001	Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	NAPAS Ha Noi	Ha Noi
2954	01501001	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	Tất cả (All branches)
2955	74501001	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	Bình Dương
2956	01501004	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	Cầu Giấy
2957	49501001	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	Chi nhánh Quảng Nam
2958	79501002	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	Chợ Lớn
2959	01501007	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	CN Gia Lâm
2960	79501006	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	CN Gò Vấp
2961	01501006	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	CN Mỹ Đình
2962	79501007	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	CN Phước Long
2963	22501001	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	CN Quảng Ninh
2964	48501001	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	Đà Nẵng
2965	75501001	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	Đồng Nai
2966	01501005	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	Hà Đông
2967	01501002	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	Hà Nội
2968	31501001	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	Hải Phòng
2969	80501001	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	Long An
2970	79501005	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	Phú Mỹ Hưng
2971	79501003	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	Phú Nhuận
2972	79501008	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	Q12, TP HCN
2973	79501004	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	Tân Bình
2974	48501002	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	Thanh Khê
2975	01501003	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	Thanh Xuân
2976	79501001	Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	Public Bank Viet Nam	TP Hồ Chí Minh
2977	79502001	Ngân hàng TNHH Indovina	Indovina Bank	Tất cả (All branches)
2978	79502004	Ngân hàng TNHH Indovina	Indovina Bank	Bến Thành
2979	74502001	Ngân hàng TNHH Indovina	Indovina Bank	Bình Dương
2980	92502001	Ngân hàng TNHH Indovina	Indovina Bank	Can Tho
2981	79502002	Ngân hàng TNHH Indovina	Indovina Bank	Cho Lon
2982	48502001	Ngân hàng TNHH Indovina	Indovina Bank	Da Nang
2983	01502002	Ngân hàng TNHH Indovina	Indovina Bank	Dong Da
2984	75502001	Ngân hàng TNHH Indovina	Indovina Bank	Đồng Nai
2985	01502001	Ngân hàng TNHH Indovina	Indovina Bank	Ha Noi
2986	31502001	Ngân hàng TNHH Indovina	Indovina Bank	Hai Phong
2987	49502001	Ngân hàng TNHH Indovina	Indovina Bank	Hội An

2988	01502004	Ngân hàng TNHH Indovina	Indovina Bank	Mỹ Đình
2989	79502003	Ngân hàng TNHH Indovina	Indovina Bank	Tan Binh
2990	01502003	Ngân hàng TNHH Indovina	Indovina Bank	Thiên Long
2991	79600001	Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public CN TP Hồ Chí Minh	The Siam Commercial Bank Public	TP Hồ Chí Minh
2992	79601001	Ngân hàng BPCEIOM CN TP HCM TP HCM	BPCE IOM HO CHI MINH CITY BRANCH	TP Hồ Chí Minh
2993	01602002	Ngân hàng TNNH MTV ANZ Việt Nam	ANZ Bank	Tất cả (All branches)
2994	79602003	Ngân hàng TNNH MTV ANZ Việt Nam	ANZ Bank	PGD Nam Sài Gòn
2995	01602001	Ngân hàng TNNH MTV ANZ Việt Nam	ANZ Bank	Sở Giao dịch
2996	79602001	Ngân hàng TNNH MTV ANZ Việt Nam	ANZ Bank	Tất cả (All branches)
2997	79602002	Ngân hàng TNNH MTV ANZ Việt Nam	ANZ Bank	TT Nghiệp vụ
2998	79603001	Ngân hàng Hong Leong Việt Nam	Hongleong Bank	Tất cả (All branches)
2999	01603001	Ngân hàng Hong Leong Việt Nam	Hongleong Bank	Hà Nội
3000	79603002	Ngân hàng Hong Leong Việt Nam	Hongleong Bank	Sở Giao dịch
3001	01604002	Ngân hàng TNNH MTV Standard Chartered Việt Nam	Standard Chartered Bank	Tất cả (All branches)
3002	01604003	Ngân hàng TNNH MTV Standard Chartered Việt Nam	Standard Chartered Bank	Le Dai Hanh
3003	79604002	Ngân hàng TNNH MTV Standard Chartered Việt Nam	Standard Chartered Bank	Quận 7
3004	01604001	Ngân hàng TNNH MTV Standard Chartered Việt Nam	Standard Chartered Bank	Tất cả (All branches)
3005	79604001	Ngân hàng TNNH MTV Standard Chartered Việt Nam	Standard Chartered Bank	TP Hồ Chí Minh
3006	01605001	Citibank Ha Noi	CITI BANK	Ha Noi
3007	75606001	Ngân hàng The Shanghai Commercial & Savings CN Đồng Nai	The Shanghai Commercial Savings Bank	Đồng Nai
3008	01608001	First Commercial Bank CN Hà Nội	First Commercial Bank	Hà Nội
3009	01609001	MAY BANK Ha Noi	MAY BANK Ha Noi	Ha Noi
3010	79611001	China Construction Bank Corporation CN TP Hồ Chí Minh	China Construction Bank	TP Hồ Chí Minh
3011	79612001	BANGKOK BANK TP Hồ Chí Minh	BANGKOK BANK	TP Hồ Chí Minh
3012	01613001	MIZUHO BANK Ha Noi	MIZUHO BANK	Ha Noi
3013	79614001	BNP-PARIBAS TP Hồ Chí Minh	BNP PARIBAS	TP Hồ Chí Minh
3014	79615001	Bank of Communications CN TP Hồ Chí Minh	Bank of Communications	TP Hồ Chí Minh
3015	79616001	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Tất cả (All branches)
3016	79616003	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	An Đông
3017	27616001	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Bắc Ninh
3018	79616012	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Bắc Sài Gòn
3019	75616001	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Biên Hòa
3020	74616001	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Bình Dương
3021	74616003	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Bình Dương New City
3022	48616001	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Đà Nẵng
3023	75616002	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Đồng Nai
3024	79616005	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Đông Sài Gòn
3025	79616004	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Gò Vấp
3026	35616001	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Hà Nam
3027	01616002	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Hà Nội
3028	31616001	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Hải Phòng
3029	01616003	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Hoàn Kiếm
3030	01616006	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Lê Thái Tổ
3031	01616009	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Pham Hùng
3032	79616011	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Phú Mỹ Hưng
3033	79616006	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Sài Gòn
3034	74616002	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Sóng Thần
3035	79616015	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Tân Bình
3036	19616001	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Thái Nguyên
3037	79616002	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	TP Hồ Chí Minh
3038	01616001	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Trần Duy Hưng
3039	26616001	NH TNHH MTV Shinhan Việt Nam Hội sở chính	Shinhan Bank Vietnam	Vĩnh Phúc
3040	79617001	Ngân hàng TNHH MTV HSBC	HSBC Bank	Tất cả (All branches)
3041	74617001	Ngân hàng TNHH MTV HSBC	HSBC Bank	Bình Dương
3042	48617001	Ngân hàng TNHH MTV HSBC	HSBC Bank	Đà Nẵng
3043	01617001	Ngân hàng TNHH MTV HSBC	HSBC Bank	Ha Noi
3044	79617002	Ngân hàng TNHH MTV HSBC	HSBC Bank	Lê Đại Hành
3045	79619001	Ngân hàng Deutsche Bank	DEUTSCHEBANK	Tất cả (All branches)
3046	79620001	BANK OF CHINA	Bank Of China (Hong Kong)	TP Hồ Chí Minh
3047	79622001	Ngân hàng MUFG Bank,Ltd CN TP Hồ Chí Minh	MUFG Bank	TP Hồ Chí Minh
3048	79623001	Ngân hàng thương mại Quốc tế Mega TP Hồ Chí Minh	Mega International Commercial Bank	TP Hồ Chí Minh
3049	79625001	Oversea - Chinese banking TP HCM TP HCM	Oversea Chinese Banking	TP Hồ Chí Minh
3050	01626001	Ngân hàng KEB HANA CN Hà Nội	KEB HANA Bank	Hà Nội
3051	79627001	Ngân hàng JPMorgan Chase N.A CN TP Hồ Chí Minh	The Chase MaNgân hàng attan Bank	TP Hồ Chí Minh
3052	79629001	Ngân hàng TNHH CTBC CN TP Hồ Chí Minh	CTBC	TP Hồ Chí Minh
3053	79630001	First Commercial Bank CN TP Hồ Chí Minh	First Commercial Bank	TP Hồ Chí Minh
3054	79631001	Ngân hàng Kookmin CN TP Hồ Chí Minh	Kookmin Bank	TP Hồ Chí Minh
3055	79632001	Ngân hàng SinoPac CN TP Hồ Chí Minh	SinoPac	TP Hồ Chí Minh
3056	79634001	Ngân hàng Cathay CH TP Hồ Chí Minh	Cathay United Bank	TP Hồ Chí Minh
3057	79635001	Malayan Banking Berhad TP Hồ Chí Minh	Malayan Banking Berhad	TP Hồ Chí Minh
3058	79636001	Sumitomo Mitsui Banking Corpor TP Hồ Chí Minh	Sumitomo Mitsui Banking	TP Hồ Chí Minh
3059	01638001	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia	BIDC Bank Cambodia	Hà Nội
3060	79639001	Mizuho Bank TP Hồ Chí Minh	Mizuho Bank	TP Hồ Chí Minh
3061	79640001	Hua Nan Commercial Bank TP Hồ Chí Minh	Hua Nan Commercial Bank	TP Hồ Chí Minh
3062	79641001	Industrial Bank of Korea TP Hồ Chí Minh	Industrial Bank of Korea	TP Hồ Chí Minh
3063	01642001	Ngân hàng Taipei Fubon CN Hà Nội	Taipei Fubon Bank	Hà Nội
3064	79648001	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia	BIDC Bank Cambodia	TP Hồ Chí Minh
3065	01649001	Ngân hàng Industrial and Commercial Bank of China	Industrial And Commercial Bank Of China	Hà Nội
3066	79650001	Ngân hàng DBS Bank Ltd CN TP Hồ Chí Minh	DBS Bank	TP Hồ Chí Minh
3067	79651001	Ngân hàng thương mại Taipei Fubon CN TP Hồ Chí Minh	Taipei Fubon Bank	TP Hồ Chí Minh
3068	01652001	Ngân hàng Công nghiệp Hàn Quốc CN Hà Nội Hà Nội	INDUSTRIAL BANK OF KOREA	Hà Nội
3069	01653001	Ngân hàng MUFG Bank, Ltd CN Hà Nội	MUFG Bank	Ha Noi
3070	79654001	Ngân hàng Citibank	Citibank	Tất cả (All branches)
3071	74655001	Ngân hàng Taipei Fubon CN Bình Dương	Taipei Fubon Bank	Bình Dương
3072	79656001	Ngân hàng KEB Hana CN TP Hồ Chí Minh	KEB Hana Bank	TP Hồ Chí Minh
3073	01657001	Ngân hàng BNP Paribas CN Hà Nội	BNP Paribas Bank	Hà Nội
3074	75658001	Ngân hàng TNHH E.SUN CN Đồng Nai	E.SUN Bank	Đồng Nai
3075	79659001	Bank of India CN TP Hồ Chí Minh	Bank of India	TP Hồ Chí Minh
3076	79660001	Ngân hàng Busan CN TP Hồ Chí Minh	The Busan Bank	TP Hồ Chí Minh
3077	01661001	Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam	CIMB BANK	Tất cả (All branches)
3078	79661001	Ngân hàng TNHH MTV CIMB Việt Nam	CIMB BANK	TP Hồ Chí Minh

3079	01662001	Ngân hàng Nong Hyup CN Hà Nội	Nonghyup Bank	Hà Nội
3080	01663001	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	Woori Bank Vietnam Limited	Tất cả (All branches)
3081	27663001	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	Woori Bank Vietnam Limited	Bắc Ninh
3082	75663002	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	Woori Bank Vietnam Limited	Biên Hòa
3083	74663001	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	Woori Bank Vietnam Limited	Bình Dương
3084	01663003	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	Woori Bank Vietnam Limited	CN Hoàn Kiếm
3085	79663003	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	Woori Bank Vietnam Limited	CN Phú Mỹ Hưng
3086	48663001	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	Woori Bank Vietnam Limited	Đà Nẵng
3087	75663001	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	Woori Bank Vietnam Limited	Đồng Nai
3088	35663001	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	Woori Bank Vietnam Limited	Hà Nam
3089	31663001	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	Woori Bank Vietnam Limited	Hải Phòng
3090	19663001	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	Woori Bank Vietnam Limited	Thái Nguyên
3091	01664001	Ngân hàng Agricultural Bank of China Limited CN Hà Nội	AGRICULTURAL BANK OF CHINA	Hà Nội
3092	79665001	Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank Việt Nam	United Overseas Bank	Tất cả (All branches)
3093	01666001	Ngân hàng Kookmin CN Hà Nội	Kookmin Bank Hanoi	Hà Nội
3094	01667001	Ngân hàng Bangkok Đại Chúng	Bangkok Bank Public Company Limited	Hà Nội
3095	79668001	Ngân hàng Daegu CN TP Hồ Chí Minh	Daegu Bank	TP Hồ Chí Minh
3096	79669001	Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank CN TP Hồ Chí Minh	Kasikornbank Bank	TP Hồ Chí Minh
3097	01701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	-
3098	01701035	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	-
3099	70701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Bình Phước
3100	87701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Đồng tháp
3101	93701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Hậu Giang
3102	35701007	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Lý Nhân
3103	01701004	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Sở Giao dịch
3104	94701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Sóc Trăng
3105	48701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Thành phố Đà Nẵng
3106	01701002	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Thành phố Hà Nội
3107	31701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Thành phố Hải Phòng
3108	79701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Thành phố TP Hồ Chí Minh
3109	89701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh An Giang
3110	77701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
3111	24701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Bắc Giang
3112	06701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Bắc Kạn
3113	95701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Bạc Liêu
3114	27701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Bắc Ninh
3115	83701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Bến Tre
3116	52701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Bình Định
3117	74701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Bình Dương
3118	60701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Bình Thuận
3119	96701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Cà Mau
3120	92701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Cần Thơ
3121	04701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Cao Bằng
3122	66701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Đắk Lắk
3123	67701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Đắk Nông
3124	11701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Điện Biên
3125	75701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Đồng Nai
3126	64701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Gia lai
3127	02701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Hà Giang
3128	35701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Hà Nam
3129	42701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Hà Tĩnh
3130	30701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Hải Dương
3131	17701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Hoà Bình
3132	33701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Hưng Yên
3133	56701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Khánh Hoà
3134	91701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Kiên Giang
3135	62701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Kon Tum
3136	12701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Lai Châu
3137	68701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Lâm Đồng
3138	20701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Lạng Sơn
3139	10701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Lào Cai
3140	80701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Long An
3141	36701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Nam Định
3142	40701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Nghệ An
3143	37701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Ninh Bình
3144	58701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Ninh Thuận
3145	25701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Phú Thọ
3146	54701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Phú Yên
3147	44701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Quảng Bình
3148	49701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Quảng Nam
3149	51701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Quảng Ngãi
3150	22701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Quảng Ninh
3151	45701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Quảng trị
3152	14701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Sơn La
3153	72701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Tây Ninh
3154	34701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Thái Bình
3155	19701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Thái nguyên
3156	38701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Thanh Hóa
3157	46701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	tỉnh Thừa thiên – Huế
3158	82701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Tiền Giang
3159	84701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Trà Vinh
3160	08701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Tuyên quang
3161	86701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Vĩnh Long
3162	26701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Vĩnh Phúc
3163	15701001	Kho Bạc Nhà nước	State Treasury	Tỉnh Yên Bái
3164	01901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Tất cả (All branches)
3165	89901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	An Giang
3166	24901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Bắc Giang
3167	27901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Bắc Ninh
3168	52901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Bình Định
3169	60901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Bình Thuận
3170	66901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	ĐăkLăk
3171	75901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Đồng Nai
3172	64901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Gia lai

3173	35901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Hà Nam
3174	01901002	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Hà Tây
3175	42901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Hà Tĩnh
3176	01901004	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Hai Bà Trưng
3177	30901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Hải Dương
3178	31901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Hải Phòng
3179	33901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Hưng Yên
3180	91901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Kiên Giang
3181	68901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Lâm Đồng
3182	80901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Long An
3183	36901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Nam Định
3184	40901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Nghệ An
3185	37901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Ninh Bình
3186	45901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	PGD Quảng Bình
3187	25901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Phú Thọ
3188	44901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Quảng Bình
3189	01901003	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Sở Giao dịch
3190	94901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Sóc Trăng
3191	72901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Tây Ninh
3192	34901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Thái Bình
3193	38901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Thanh Hoá
3194	79901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	TP Hồ Chí Minh
3195	84901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Trà Vinh
3196	26901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Vĩnh Phúc
3197	15901001	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam	Co op Bank	Yên Bái
3198	01636001	SMB Corporation Hà Nội	Sumitomo Mitsui Banking	Hà Nội